BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 972 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2017 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2017 – 2018 ngày 19/7/2018 và ngày 27/7/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2017 - 2018 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC
NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 972/TB-MĐC ngày 03 tháng 8 năm 2018)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
1	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế	x					
2	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế		x				
3	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế		x				
4	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế		x				
5	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế		x				
6	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế			x			
7	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế		x				
8	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế		x				
9	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất	x					
10	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất		x				
11	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất			x			
12	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất			x			
13	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất			x			
14	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất		x				
15	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất			x			
16	Tạ Quang Chiểu	BM Tin học Cơ bản	x					
17	Đào Thị Thu Vân	BM Tin học Cơ bản		x				
18	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản	x					
19	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học Cơ bản		x				
20	Vũ Lan Phương	BM Tin học Cơ bản		x				
21	Vương Thị Như Quỳnh	BM Tin học Cơ bản		x				
22	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học Cơ bản			x			
23	Phạm Đức Hậu	BM Tin học Cơ bản		x				
24	Đặng Quốc Trung	BM Tin học Cơ bản		x				
25	Dương Chí Thiện	BM Tin học Cơ bản		x				
26	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa	x					
27	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa	x					
28	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa		x				
29	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa		x				
30	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc địa	x					
31	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc địa		x				
32	Diêm Thị Thùy	BM Tin học Trắc địa			x			
33	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin học Trắc địa			x			
34	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc địa			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
35	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc địa			x			
36	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc địa			x			
37	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc địa			x			
38	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa			x			
39	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc địa			x			
40	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc địa						x
41	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính	x					
42	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính		x				
43	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính		x				
44	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính		x				
45	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính		x				
46	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính		x				
47	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	x					
48	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	x					
49	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính		x				
50	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính		x				
51	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính		x				
52	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính			x			
53	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính			x			
54	*Phan Mạnh Tiến*	BM Mạng máy tính						x
55	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ Phần mềm	x					
56	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ Phần mềm	x					
57	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ Phần mềm		x				
58	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ Phần mềm	x					
59	Đỗ Anh Tuấn	BM Công nghệ Phần mềm			x			
60	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ Phần mềm		x				
61	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ Phần mềm		x				
62	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ Phần mềm			x			
63	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ Phần mềm			x			
64	Bùi Thế Vinh	BM Công nghệ Phần mềm						x
65	Phạm Hữu Lợi	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
66	Trần Thị Hải Vân	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
67	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng thí nghiệm Địa tin học			x			
68	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	x					
69	Lê Hải An	BM Địa vật lý	x					
70	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý		x				
71	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý		x				
72	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
73	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý		x				
74	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý			x			
75	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý		x				
76	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý			x			
77	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý			x			
78	Trần Văn Hữu	BM Địa vật lý			x			
79	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí	x					
80	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí	x					
81	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí			x			
82	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí		x				
83	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí			x			
84	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí			x			
85	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí			x			
86	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác	x					
87	Hồ Quốc Hoa	BM Khoan - Khai thác			x			
88	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác		x				
89	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	x					
90	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	x					
91	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác			x			
92	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác			x			
93	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác		x				
94	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác		x				
95	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác			x			
96	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác			x			
97	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác			x			
98	Tô Hữu Toàn	BM Khoan - Khai thác			x			
99	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan - Khai thác			x			
100	Tống Trần Anh	BM Khoan - Khai thác			x			
101	Trần Hữu Kiên	BM Khoan - Khai thác			x			
102	Bùi Thanh Bình	BM Khoan - Khai thác						x
103	Đỗ Thành Sỹ	BM Khoan - Khai thác						x
104	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu	x					
105	Ngô Thanh Hải	BM Lọc - Hóa dầu			x			
106	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu	x					
107	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu	x					
108	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	x					
109	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	x					
110	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
111	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
112	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	x					
113	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu			x			
114	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu		x				
115	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu			x			
116	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
117	Hồ Văn Sơn	BM Lọc - Hóa dầu			x			
118	Dương Viết Cường	BM Lọc - Hóa dầu						x
119	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK và CT		x				
120	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và CT	x					
121	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và CT	x					
122	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và CT	x					
123	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và CT	x					
124	Nguyễn Thanh Tuấn	BM Thiết bị DK và CT		x				
125	Vũ Cúc Phương	BM Thiết bị DK và CT			x			
126	Trần Thiện Căn	BM Thiết bị DK và CT				x		
127	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Thiết bị DK và CT			x			
128	Đào Thị Uyên	BM Thiết bị DK và CT			x			
129	Nguyễn Phùng Hưng	BM Thiết bị DK và CT						x
130	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	x					
131	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	x					
132	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	x					
133	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	x					
134	Lê Văn Quyển	BM Khai thác lộ thiên		x				
135	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên	x					
136	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên	x					
137	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	x					
138	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	x					
139	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên		x				
140	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	x					
141	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên			x			
142	Nhữ Văn Phúc	BM Khai thác lộ thiên				x		
143	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên			x			
144	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên			x			
145	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên			x			
146	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò		x				
147	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	x					
148	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
149	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò	x					
150	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò	x					
151	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	x					
152	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	x					
153	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	x					
154	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	x					
155	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	x					
156	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	x					
157	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò		x				
158	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò		x				
159	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò			x			
160	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò			x			
161	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò			x			
162	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò			x			
163	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò			x			
164	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	x					
165	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	x					
166	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	x					
167	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	x					
168	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	x					
169	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	x					
170	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	x					
171	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng	x					
172	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	x					
173	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	x					
174	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng			x			
175	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng			x			
176	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu		x				
177	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu		x				
178	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu		x				
179	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu		x				
180	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu		x				
181	Dương Đức Hùng	BM Sức bền vật liệu		x				
182	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu			x			
183	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu			x			
184	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu			x			
185	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
186	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM Đường lối CM của ĐCSVN		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
187	Nguyễn Tuấn Vương	BM Đường lối CM của ĐCSVN		x				
188	Đặng Thị Thanh Trâm	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
189	Lê Quốc Hiệp	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
190	Nguyễn Thi Phương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
191	Phí Mạnh Phong	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin		x				
192	Nguyễn Thị Bích Lệ	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
193	Trần Thị Lan Hương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
194	Ngô Văn Hưởng	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
195	Bùi Thị Thùy Dương	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin		x				
196	Trần Thị Phúc An	BM Tư tưởng HCM	x					
197	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư tưởng HCM		x				
198	Nguyễn Văn Sơn	BM Tư tưởng HCM			x			
199	Lê Thị Yến	BM Tư tưởng HCM		x				
200	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư tưởng HCM	x					
201	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật	x					
202	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật		x				
203	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật		x				
204	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật	x					
205	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường	x					
206	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường	x					
207	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường	x					
208	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường		x				
209	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường		x				
210	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường		x				
211	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường		x				
212	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường		x				
213	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuật môi trường			x			
214	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường			x			
215	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	x					
216	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	x					
217	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	x					
218	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở		x				
219	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở		x				
220	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở		x				
221	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở	x					
222	Hoàng Thị Chung	BM Môi trường cơ sở				x		
223	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở		x				
224	Hạ Quang Hưng	BM Môi trường cơ sở			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
225	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
226	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
227	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
228	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
229	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
230	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
231	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
232	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
233	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái & CNMT		x				
234	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
235	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
236	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái & CNMT			x			
237	Tô Xuân Bản	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
238	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
239	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
240	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng thạch và Địa hóa	x					
241	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
242	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
243	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng thạch và Địa hóa		x				
244	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
245	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
246	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng thạch và Địa hóa			x			
247	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình	x					
248	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	x					
249	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình		x				
250	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình		x				
251	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình		x				
252	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình			x			
253	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình	x					
254	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình		x				
255	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình			x			
256	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình			x			
257	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình		x				
258	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình			x			
259	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình		x				
260	Nguyễn Đức Tuấn	BM Địa chất công trình					x	
261	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình			x			
262	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
263	Phạm Thị Việt Nga	BM Địa chất công trình			x			
264	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình			x			
265	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn	x					
266	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	x					
267	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		x				
268	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn		x				
269	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		x				
270	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn		x				
271	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn		x				
272	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn		x				
273	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất thủy văn			x			
274	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất thủy văn			x			
275	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn			x			
276	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	x					
277	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	x					
278	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	x					
279	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất		x				
280	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất	x					
281	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất	x					
282	Phan Văn Bình	BM Địa chất		x				
283	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất		x				
284	Vũ Thị Hiền	Bảo tàng địa chất			x			
285	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất			x			
286	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất			x			
287	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất			x			
288	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất			x			
289	Vũ Anh Thư	BM Địa chất			x			
290	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất			x			
291	Nguyễn Tiến Dũng	Tìm kiếm thăm dò	x					
292	Lương Quang Khang	Tìm kiếm thăm dò	x					
293	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	x					
294	Phan Viết Sơn	Tìm kiếm thăm dò		x				
295	Khương Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	x					
296	Trần Thị Vân Anh	Tìm kiếm thăm dò			x			
297	Đỗ Mạnh An	Tìm kiếm thăm dò		x				
298	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò		x				
299	Nguyễn Văn Lâm	Tìm kiếm thăm dò		x				
300	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tìm kiếm thăm dò		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
301	Tạ Thị Toán	Tìm kiếm thăm dò		x				
302	Phạm Thị Thanh Hiền	Tìm kiếm thăm dò		x				
303	Trần Bỉnh Chư	Tìm kiếm thăm dò			x			
304	Lê Thị Thu	Tìm kiếm thăm dò		x				
305	Hoàng Thị Thoa	Tìm kiếm thăm dò		x				
306	Trương Hữu Mạnh	Tìm kiếm thăm dò			x			
307	Nguyễn Duy Hưng	Tìm kiếm thăm dò			x			
308	Nguyễn Xuân Phú	Tìm kiếm thăm dò			x			
309	Phạm Như Sang	Tìm kiếm thăm dò			x			
310	Nguyễn Khắc Du	Tìm kiếm thăm dò			x			
311	Lê Xuân Trường	Tìm kiếm thăm dò			x			
312	Ngô Xuân Đắc	Tìm kiếm thăm dò			x			
313	Nguyễn Đình Luyện	Tìm kiếm thăm dò			x			
314	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán		x				
315	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán		x				
316	Tô Văn Đinh	BM Toán		x				
317	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán	x					
318	Đào Xuân Hưng	BM Toán		x				
319	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán	x					
320	Phạm Tuấn Cường	BM Toán	x					
321	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	x					
322	Phạm Ngọc Anh	BM Toán		x				
323	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán		x				
324	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán		x				
325	Lê Bích Phượng	BM Toán		x				
326	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán		x				
327	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán		x				
328	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán		x				
329	Lê Thị Hương Giang	BM Toán		x				
330	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán		x				
331	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán		x				
332	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết			x			
333	Nguyễn Huy Thế	BM Cơ lý thuyết		x				
334	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết		x				
335	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết		x				
336	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết	x					
337	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết		x				
338	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
339	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất		x				
340	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất		x				
341	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất		x				
342	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất		x				
343	Lý Kế Cường	BM Giáo dục thể chất			x			
344	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất		x				
345	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất		x				
346	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất		x				
347	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất		x				
348	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất		x				
349	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất		x				
350	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất			x			
351	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất			x			
352	Công Tiến Dũng	BM Hóa	x					
353	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa		x				
354	Lê Thị Duyên	BM Hóa	x					
355	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa			x			
356	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa		x				
357	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa		x				
358	Võ Thị Hạnh	BM Hóa	x					
359	Đỗ Thị Hải	BM Hóa		x				
360	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa		x				
361	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa		x				
362	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa	x					
363	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa		x				
364	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa	x					
365	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa		x				
366	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa		x				
367	Vũ Kim Thư	BM Hóa	x					
368	Lê Thị Vinh	BM Hóa		x				
369	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	x					
370	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ		x				
371	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ		x				
372	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ		x				
373	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	x					
374	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ		x				
375	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ		x				
376	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
377	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ		x				
378	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	x					
379	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	x					
380	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ		x				
381	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ		x				
382	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ	x					
383	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ		x				
384	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ		x				
385	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa		x				
386	Thạc Thu Hiền	BM Hình Họa		x				
387	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa	x					
388	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa		x				
389	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa		x				
390	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa		x				
391	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa		x				
392	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý		x				
393	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý	x					
394	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	x					
395	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	x					
396	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	x					
397	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý		x				
398	Phạm Thị Trang	BM Vật lý		x				
399	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	x					
400	Trần Thị Hà	BM Vật lý		x				
401	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	x					
402	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	x					
403	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý		x				
404	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý			x			
405	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý			x			
406	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý	x					
407	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ	x					
408	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	x					
409	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ		x				
410	Dương Anh Quân	BM Bản đồ		x				
411	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ		x				
412	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ		x				
413	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ			x			
414	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
415	Trần Thị Hương Giang	BM Bản đồ			x			
416	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	x					
417	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính		x				
418	Trần Đình Thành	BM Địa chính		x				
419	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính		x				
420	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	x					
421	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	x					
422	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính		x				
423	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính		x				
424	Đinh Hải Nam	BM Địa chính		x				
425	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	x					
426	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính		x				
427	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính			x			
428	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
429	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
430	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
431	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
432	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
433	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
434	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
435	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
436	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám	x					
437	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
438	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
439	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
440	Nguyễn Bá Duy	BM Đo ảnh và Viễn thám			x			
441	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
442	Trần Phương Ly	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
443	Trương Hoài Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám				x		
444	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	x					
445	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp		x				
446	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp		x				
447	Đặng Hồng Thúy	BM Trắc địa cao cấp				x		
448	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	x					
449	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp	x					
450	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp		x				
451	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp		x				
452	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
453	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp		x				
454	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp			x			
455	Bùi Khắc Luyên	BM Trắc địa cao cấp			x			
456	Nguyễn Thái Chinh	BM Trắc địa cao cấp			x			
457	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp			x			
458	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	x					
459	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	x					
460	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình	x					
461	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	x					
462	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình		x				
463	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình		x				
464	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình	x					
465	Hoàng Thị Minh Hương	BM Trắc địa công trình		x				
466	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	x					
467	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình		x				
468	Phạm Trung Dũng	BM Trắc địa công trình			x			
469	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình		x				
470	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình		x				
471	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
472	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
473	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
474	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
475	Dương Thành Trung	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
476	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
477	Lã Phú Hiến	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
478	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
479	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
480	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
481	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa phổ thông và SS		x				
482	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
483	Đào Văn Khánh	BM Trắc địa phổ thông và SS			x			
484	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa mỏ	x					
485	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa mỏ	x					
486	Phạm Công Khải	BM Trắc địa mỏ		x				
487	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa mỏ		x				
488	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc địa mỏ	x					
489	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa mỏ	x					
490	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa mỏ		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
491	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa mỏ	x					
492	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa mỏ	x					
493	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa mỏ		x				
494	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa		x				
495	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa		x				
496	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa			x			
497	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa		x				
498	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa			x			
499	Vũ Trung Rụy	Tổ máy trắc địa			x			
500	Võ Trọng Hùng	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
501	Ngô Doãn Hào	BM Xây dựng CTN&Mỏ		x				
502	Đỗ Ngọc Anh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
503	Đặng Trung Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
504	Nguyễn Duyên Phong	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
505	Đặng Văn Kiên	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
506	Trần Tuấn Minh	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
507	Đào Viết Đoàn	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
508	Phạm Thị Yến	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
509	Nguyễn Văn Trí	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
510	Đỗ Mạnh Tấn	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
511	Đỗ Ngọc Thái	BM Xây dựng CTN&Mỏ				x		
512	Nguyễn Tài Tiến	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
513	Phan Tuấn Anh	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
514	Nguyễn Chí Thành	BM Xây dựng CTN&Mỏ			x			
515	Nguyễn Trọng Dũng	BM Hạ tầng cơ sở		x				
516	Phạm Đức Thọ	BM Hạ tầng cơ sở		x				
517	Hoàng Đình Phúc	BM Hạ tầng cơ sở		x				
518	Tạ Đức Thịnh	BM Hạ tầng cơ sở		x				
519	Vũ Minh Ngạn	BM Hạ tầng cơ sở		x				
520	Bùi Anh Thắng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
521	Ngọ Thị Hương Trang	BM Hạ tầng cơ sở			x			
522	Phạm Văn Hùng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
523	Trần Mạnh Hùng	BM Hạ tầng cơ sở			x			
524	Đặng Quang Huy	BM Hạ tầng cơ sở			x			
525	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
526	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
527	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
528	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
529	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
530	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
531	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
532	Đinh Hải Nam	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
533	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
534	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ thuật xây dựng			x			
535	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
536	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
537	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
538	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
539	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
540	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
541	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
542	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
543	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử		x				
544	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử			x			
545	Vũ Đỗ Dũng	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử			x			
546	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
547	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
548	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
549	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
550	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
551	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
552	Nguyễn Chí Dũng	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
553	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
554	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
555	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
556	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK		x				
557	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
558	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
559	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
560	Phùng Văn Trang	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
561	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK			x			
562	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN		x				
563	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	x					
564	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	x					
565	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN	x					
566	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
567	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	x					
568	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	x					
569	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN		x				
570	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN	x					
571	Lê Văn Tuần	BM Điện khí hóa XN	x					
572	Nguyễn Xuân Nhỉ	BM Điện khí hóa XN		x				
573	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN		x				
574	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN		x				
575	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN			x			
576	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
577	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
578	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
579	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
580	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
581	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
582	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
583	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
584	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
585	Đoàn Kim Bình	BM Kỹ thuật Cơ khí		x				
586	Nguyễn Văn Xô	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
587	Vũ Nam Ngạn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
588	Đoàn Văn Giáp	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
589	Phạm Văn Tiến	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
590	Vũ Ngọc Trà	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
591	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy & Thiết bị công nghiệp		x				
592	Trần Viết Linh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp	x					
593	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
594	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
595	Trần Bá Trung	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
596	Kiều Đức Thịnh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
597	Đoàn Công Luận	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
598	Đặng Vũ Đinh	BM Máy & Thiết bị công nghiệp			x			
599	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện		x				
600	Đặng Viết Khuê	Xưởng Cơ - Điện			x			
601	Chu Mạnh Cường	Xưởng Cơ - Điện			x			
602	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng Cơ - Điện			x			
603	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
604	Bùi Thị Thu Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
605	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
606	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
607	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
608	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
609	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
610	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
611	Phạm Minh Hải	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
612	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
613	Phạm Thu Hương	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
614	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
615	Hoàng Thị Thuỷ	BM Kế toán doanh nghiệp			x			
616	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
617	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
618	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
619	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
620	Phan Minh Quang	BM Kế toán doanh nghiệp		x				
621	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	x					
622	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	x					
623	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở		x				
624	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	x					
625	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở		x				
626	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	x					
627	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở		x				
628	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở		x				
629	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở	x					
630	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở	x					
631	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất - Dầu khí			x			
632	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
633	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
634	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất - Dầu khí		x				
635	Lê Minh Thống	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
636	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
637	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất - Dầu khí		x				
638	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
639	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
640	Trần Văn Hiệp	BM QTDN Địa chất - Dầu khí			x			
641	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
642	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTDN Mỏ	x					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
643	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
644	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
645	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
646	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
647	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
648	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
649	Nguyễn Thị Hường	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
650	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
651	Lê Đình Chiều	Bộ môn QTDN Mỏ	x					
652	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
653	Nguyễn Văn Thưởng	Bộ môn QTDN Mỏ		x				
654	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT, TN và CN cao			x			
655	Nguyễn Văn Quảng	Khoa GDQP	x					
656	Phạm Quốc Đảm	Khoa GDQP	x					
657	Trần Bắc Bộ	Khoa GDQP	x					
658	Vũ Quang Hay	Khoa GDQP	x					
659	Trần Văn Độ	Khoa GDQP		x				
660	Hoàng Xuân Trường	Khoa GDQP		x				
661	Nguyễn Văn Phong	Khoa GDQP	x					
662	Trần Thanh Hanh	Khoa GDQP						x
663	Vũ Thanh Hà	Khoa GDQP						x
664	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ	x					
665	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ		x				
666	Lưu Hữu Phước	Phòng Bảo vệ			x			
667	Lê Hoài Nam	Phòng Bảo vệ			x			
668	Nguyễn Quang Hải	Phòng Bảo vệ			x			
669	Lý Hồng Khanh	Phòng Bảo vệ			x			
670	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Bảo vệ			x			
671	Trần Văn Huyên	Phòng Bảo vệ			x			
672	Đặng Quang Tuyến	Phòng Bảo vệ			x			
673	Chu Thế Mạnh	Phòng Bảo vệ			x			
674	Lê Đức Minh	Phòng Bảo vệ			x			
675	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Bảo vệ			x			
676	Hàn Văn Tưởng	Phòng Bảo vệ			x			
677	Dương Thành Quảng	Phòng Bảo vệ			x			
678	Phạm Văn Khương	Phòng Bảo vệ			x			
679	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế	x					
680	Nguyễn Thanh Huyền	Phòng Y tế		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
681	Bùi Thị Thanh Vân	Phòng Y tế		x				
682	Nguyễn Thị Thu Thụy	Phòng Y tế			x			
683	Mai Ngọc Liên	Phòng Y tế			x			
684	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	x					
685	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án		x				
686	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án			x			
687	Nguyễn Chí Hiếu	Ban quản lý các dự án				x		
688	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án			x			
689	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên	x					
690	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên	x					
691	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Công tác sinh viên		x				
692	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác sinh viên			x			
693	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác sinh viên		x				
694	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên	x					
695	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác sinh viên		x				
696	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác sinh viên		x				
697	Lê Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên			x			
698	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác sinh viên		x				
699	Trần Thị Hải Vân	Phòng Công tác sinh viên			x			
700	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x			
701	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
702	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng Hành chính - Tổng hợp			x			
703	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
704	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
705	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
706	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
707	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
708	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
709	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x				
710	Dương Mai Yến	Khảo thí & ĐBCLGD		x				
711	Dương Thị Hồng Đài	Khảo thí & ĐBCLGD			x			
712	Trần Văn Hiệp	Khảo thí & ĐBCLGD	x					
713	Ngô Thái Vinh	Khảo thí & ĐBCLGD			x			
714	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P. Khoa học, CN và HTQT	x					
715	Hoàng Thu Hằng	P. Khoa học, CN và HTQT		x				
716	Nguyễn Thanh Hải	P. Khoa học, CN và HTQT		x				
717	Phạm Đức Nghiệp	P. Khoa học, CN và HTQT	x					
718	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. Khoa học, CN và HTQT		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
719	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học		x				
720	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học	x					
721	Hà Thùy Linh	TT Ngoại ngữ - Tin học			x			
722	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học		x				
723	Trần Thị Thu Hiền	TT Ngoại ngữ - Tin học						x
724	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học		x				
725	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học		x				
726	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học		x				
727	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học		x				
728	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học		x				
729	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học	x					
730	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học		x				
731	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	x					
732	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x					
733	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học		x				
734	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học		x				
735	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
736	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
737	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
738	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
739	Lê Tiến Dũng	Phòng Quản trị - Thiết bị				x		
740	Trần Thị Hương	Phòng Quản trị - Thiết bị	x					
741	Đỗ Thị Dung	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
742	Nguyễn Hồng Hải Yến	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
743	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
744	Phạm Đăng Tích	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
745	Tạ Văn Minh	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
746	Ninh Ngọc Cương	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
747	Nguyễn Văn Bình	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
748	Nguyễn Đình Cường	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
749	Nguyễn Thế	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
750	Trịnh Thị Hợp	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
751	Phạm Thị Sâm	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
752	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
753	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
754	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Quản trị - Thiết bị			x			
755	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH	x					
756	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT SĐH		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
757	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH		x				
758	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH		x				
759	Phạm Quang Ba	TT Hỗ trợ sinh viên	x					
760	Lê Chí Phúc	TT Hỗ trợ sinh viên	x					
761	Nguyễn Thế Anh	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
762	Nguyễn Thị Nga	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
763	Nguyễn Văn Khẩn	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
764	Nguyễn Thị Chi	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
765	Nguyễn Văn Hùng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
766	Nguyễn Thị Thu	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
767	Nguyễn Thị Sim	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
768	Đinh Hữu Khánh	TT Hỗ trợ sinh viên		x				
769	Trần Thị Dược	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
770	Phạm Thị Thanh Tâm	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
771	Vũ Thị Phương Thùy	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
772	Lê Thị Thanh Xuân	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
773	Phan Thanh Chương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
774	Phạm Thị Quy	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
775	Nguyễn Thị Hồng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
776	Quách Thị Thu Phương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
777	Đỗ Khắc Điệp	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
778	Nguyễn Xuân Thuận	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
779	Đoàn Thị Luyên	TT Hỗ trợ sinh viên		x				
780	Vũ Thế Hùng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
781	Hà Tú Hương	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
782	Đoàn Hồng Thắng	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
783	Phạm Tuyết Mai	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
784	Bùi Thị Kim Anh	TT Hỗ trợ sinh viên			x			
785	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện		x				
786	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện			x			
787	Phạm Vĩnh Tuấn	TT Thông tin - Thư viện			x			
788	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện			x			
789	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin - Thư viện			x			
790	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện		x				
791	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện			x			
792	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện			x			
793	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện			x			
794	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện			x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
795	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện			x			
796	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện			x			
797	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện			x			
798	Nguyễn Quang Phú	TT Thông tin - Thư viện			x			
799	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin - Thư viện			x			
800	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện			x			
801	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin - Thư viện			x			
802	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin - Thư viện			x			
803	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin - Thư viện			x			
804	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin - Thư viện			x			
805	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện			x			
806	Nguyễn Kim Chung	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
807	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
808	Hà Thị Hiến	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
809	Nguyễn Thị Biên	Phòng CTCT - Truyền thông		x				
810	Phạm Thị Thu Hường	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
811	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	x					
812	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x				
813	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản				x		
814	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
815	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
816	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
817	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x				
818	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ			x			
819	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ	x					
820	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ	x					
821	Qúach Thị Nhịp	Phòng Tài vụ		x				
822	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Tài vụ		x				
823	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ		x				
824	Cao Thu Hoài	Phòng Tài vụ	x					
825	Nguyễn Thị Phương Thảo A	Phòng Tài vụ		x				
826	Nguyễn Thi Thu Hiền	Phòng Tài vụ		x				
827	Nguyễn Thị Phương Thảo B	Phòng Tài vụ		x				
828	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Tài vụ		x				
829	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy &TBCN		x				
830	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN		x				
831	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí		x				
832	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện		x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Kết quả phân loại, đánh giá					
			A+	A	B+	B	C	KĐG
833	Đào Thị Hiền	VPK Cơ - Điện		x				
834	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng		x				
835	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng		x				
836	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin		x				
837	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin		x				
838	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí		x				
839	Phan Thị Thùy Dương	VPK KH và KT Địa chất		x				
840	Hồ Thanh Bình	VPK KH và KT Địa chất		x				
841	Hoàng Hồng Hà	VPK Khoa học cơ bản				x		
842	Phạm Công Tú	Khoa GDQP	x					
843	Lê Thị Định	Khoa GDQP		x				
844	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ		x				
845	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ		x				
846	Tạ Thị Thu Hường	VPK TĐ-BĐ và QLĐĐ		x				
847	Nguyễn Thị Hà	VPK TĐ-BĐ và QLĐĐ						x
848	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị	x					
849	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường			x			
850	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường		x				
851	Phạm Châu Giang	VP Khoa Kinh Tế - QTKD		x				
852	Phan Thùy Linh	VP Khoa Kinh Tế - QTKD						x
853	Nguyễn Thị Thu Dung	VP Khoa Kinh Tế - QTKD			x			
854	Trần Thị Khánh Vân	BM Quản trị DN Mỏ			x			
855	Phạm Thị Thanh Phương	VP Công đoàn			x			
856	Phạm Thị Việt Nga	VP Công đoàn	x					
857	Phạm Tố Uyên	VP Đảng ủy	x					
858	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng ủy		x				
859	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến		x				
860	Đỗ Thanh Dũng	VP Chương trình tiến tiến			x			
861	Nguyễn Thị Thu Thảo	Văn phòng Đoàn		x				
862	Nguyễn Vân Anh	Văn phòng Đoàn		x				
863	Trương Phạm Phương Anh	Văn phòng Đoàn		x				
864	Đồng Hữu Tiến	Cơ sở Đào tạo Vũng Tàu			x			

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ
NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 972/QĐ-MĐC ngày 03 tháng 8 năm 2018)

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	A	B+	B	C	KĐG
1	Khoa Cơ - Điện	x					
2	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử	x					
3	BM Tự động hóa XN Mỏ và DK	x					
4	BM Điện khí hóa XN	x					
5	BM Kỹ thuật Cơ khí	x					
6	BM Máy & Thiết bị Công nghiệp	x					
7	Xưởng Cơ - Điện			x			
8	Khoa Công nghệ thông tin	x					
9	BM Tin học Kinh tế	x					
10	BM Tin học Địa chất			x			
11	BM Tin học Cơ bản	x					
12	BM Tin học Trắc địa	x					
13	BM Khoa học máy tính	x					
14	BM Mạng máy tính	x					
15	BM Công nghệ Phần mềm	x					
16	Phòng thí nghiệm Địa tin học		x				
17	Khoa Dầu khí		x				
18	BM Địa vật lý	x					
19	BM Địa chất dầu khí	x					
20	BM Khoan - Khai thác	x					
21	BM Lọc - Hóa dầu	x					
22	BM Thiết bị DK và CT		x				
23	Khoa GDQP	x					
24	BM Đường lối quân sự	x					
25	BM Kỹ thuật quân sự	x					
26	Khoa Khoa học cơ bản		x				
27	BM Toán	x					
28	BM Cơ lý thuyết	x					
29	BM Giáo dục thể chất	x					
30	BM Hóa	x					
31	BM Ngoại ngữ	x					
32	BM Hình Họa	x					
33	BM Vật lý	x					
34	Khoa Khoa học và KTĐC	x					
35	BM Khoáng thạch và Địa hóa	x					
36	BM Địa chất công trình		x				
37	BM Địa chất thủy văn	x					

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	A	B+	B	C	KĐG
38	BM Địa chất	x					
39	BM Tìm kiếm thăm dò	x					
40	Khoa Kinh tế - QTKD	x					
41	BM Kế toán doanh nghiệp	x					
42	BM Kinh tế cơ sở	x					
43	BM QTDN Địa chất - Dầu khí	x					
44	BM QTDN Mỏ	x					
45	Khoa Lý luận chính trị	x					
46	BM Đường lối CM của ĐCSVN	x					
47	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	x					
48	BM Tư tưởng HCM	x					
49	BM Pháp luật	x					
50	Khoa Mỏ		x				
51	BM Khai thác lộ thiên		x				
52	BM Khai thác hầm lò	x					
53	BM Tuyển khoáng	x					
54	BM Sức bền vật liệu		x				
55	Khoa Môi trường		x				
56	BM Kỹ thuật môi trường	x					
57	BM Môi trường cơ sở		x				
58	BM Địa sinh thái & CNMT	x					
59	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x				
60	BM Bản đồ	x					
61	BM Địa chính	x					
62	BM Đo ảnh và Viễn thám		x				
63	BM Trắc địa cao cấp		x				
64	BM Trắc địa công trình	x					
65	BM Trắc địa phổ thông và SS	x					
66	BM Trắc địa mỏ	x					
67	Tổ máy trắc địa			x			
68	Khoa Xây dựng	x					
69	BM Xây dựng CTN&Mỏ	x					
70	BM Hạ tầng cơ sở		x				
71	BM Kỹ thuật xây dựng	x					
72	Phòng Bảo vệ			x			
73	Phòng Y tế	x					
74	Ban quản lý các dự án			x			
75	Phòng Công tác sinh viên	x					
76	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x					
77	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	x					
78	Phòng Khoa học, CN và HTQT	x					
79	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x					

	Đơn vị	Kết quả phân loại đánh giá					
		A+	**A**	**B+**	**B**	**C**	**KĐG**
80	Phòng Đào tạo Đại học	x					
81	Phòng Quản trị - Thiết bị		x				
82	Phòng Đào tạo Sau đại học	x					
83	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên			x			
84	Trung tâm Thông tin - Thư viện			x			
85	Phòng CTCT - Truyền thông	x					
86	Phòng Xuất bản		x				
87	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x					
88	Phòng Tài vụ	x					
89	VP Chương trình tiến tiến	x					
90	Trung tâm Phân tích, TN và CN cao	x					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1040 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2018 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2018 - 2019 ngày 30/7/2019 và ngày 07/8/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2018 - 2019 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI TẬP THỂ
NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 1040 /MĐC-TCCB ngày 12 tháng 8 năm 2019)

TT	Đơn vị	Mức phân loại đánh giá				
		A+	A	B+	B	C
1	Ban quản lý các dự án	X				
2	Phòng Cơ sở vật chất		X			
3	Phòng Công tác CT-SV	X				
4	Phòng Đào tạo Đại học	X				
5	Phòng ĐBCLGD	X				
6	Phòng ĐT Sau đại học	X				
7	Phòng Hành chính - Tổng hợp			X		
8	Phòng Hợp tác quốc tế	X				
9	Phòng Kế hoạch tài chính	X				
10	Phòng Khoa học - Công nghệ	X				
11	Phòng QHCC và DN	X				
12	Phòng Tổ chức - Cán bộ	X				
13	Phòng Xuất bản	X				
14	Trạm Y tế	X				
15	Trung tâm dịch vụ			X		
16	TT Ngoại ngữ - Tin học	X				
17	TT Phân tích CNC	X				
18	TT Thông tin - Thư viện	X				
19	VP Chương trình tiến tiến	X				
20	VP Đại diện		X			
21	VP Đảng - Đoàn thể	X				
22	**Khoa Cơ - Điện**	X				
23	BM Điện khí hóa XN	X				
24	BM Kỹ thuật Cơ khí	X				
25	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	X				
26	BM Máy và TBCN	X				
27	BM Tự động hóa xí nghiệp	X				
28	Xưởng Cơ - Điện	X				
29	**Khoa Công nghệ thông tin**		X			
30	BM Công nghệ phần mềm	X				
31	BM HTTT&TT	X				
32	BM Khoa học máy tính	X				
33	BM Mạng máy tính	X				

34	BM Tin học Địa chất			X		
35	BM Tin học Kinh tế	X				
36	BM Tin học Trắc Địa	X				
37	Phòng Thí nghiệm ĐTH	X				
38	**Khoa Dầu khí**	X				
39	BM Địa chất dầu khí	X				
40	BM Địa vật lý	X				
41	BM Khoan - Khai thác	X				
42	BM Lọc - Hóa dầu	X				
43	BM TBDK&CT	X				
44	**Khoa Khoa học cơ bản**	X				
45	BM Cơ lý thuyết		X			
46	BM Giáo dục thể chất		X			
47	BM Hình Họa	X				
48	BM Hóa	X				
49	BM Ngoại ngữ	X				
50	BM Toán	X				
51	BM Vật lý	X				
52	**Khoa Khoa học và KTĐC**	X				
53	BM Địa chất	X				
54	BM Địa chất công trình	X				
55	BM Địa chất thủy văn	X				
56	BM Khoáng Thạch và ĐH		X			
57	BM Tìm kiếm thăm dò	X				
58	**Khoa Kinh tế - QTKD**		X			
59	BM Kế toán DN		X			
60	BM Kinh tế cơ sở	X				
61	BM QTDN ĐC-DK	X				
62	BM QTDN Mỏ	X				
63	**Khoa Lý luận chính trị**		X			
64	BM ĐLCMĐCSVN		X			
65	BM Nguyên lý CN Mác - Lênin	X				
66	BM Pháp luật			X		
67	BM Tư tưởng HCM	X				
68	**Khoa Mỏ**	X				
69	BM Khai thác hầm lò	X				
70	BM Khai thác lộ thiên	X				
71	BM Sức bền vật liệu		X			

72	BM Tuyển khoáng	X				
73	**Khoa Môi trường**	X				
74	BM Địa sinh thái &CNMT	X				
75	BM Kỹ thuật môi trường	X				
76	BM Môi trường cơ sở	X				
77	**Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ**		X			
78	BM Bản đồ	X				
79	BM Địa chính	X				
80	BM Đo ảnh và Viễn thám	X				
81	BM Trắc địa cao cấp		X			
82	BM Trắc địa công trình	X				
83	BM Trắc đia mỏ	X				
84	BM Trắc địa PT&SS	X				
85	Tổ máy trắc địa		X			
86	**Khoa Xây dựng**	X				
87	BM Kỹ thuật xây dựng	X				
88	BM Xây dựng HTCS	X				
89	BM XDCTN&Mỏ	X				
90	**Khoa GDQP**	X				
91	Bộ môn Đường lối quân sự	X				
92	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	X				

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CÁN BỘ, VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết đinh số: 1040 /MĐC-TCCB ngày 12 tháng 8 năm 2019)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
1	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
2	Trần Thị Phúc An	BM TT HCM	X					
3	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên		X				
4	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ		X				
5	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			X			
6	Phạm Thị Vân Anh	BM Khoáng Thạch và ĐH		X				
7	Phạm Ngọc Anh	BM Toán		X				
8	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý		X				
9	Phạm Thị Mai Anh	BM Hình Họa		X				
10	Đỗ Việt Anh	BM Hình Họa		X				
11	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở	X					
12	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở		X				
13	Nguyễn Thục Anh	BM Kế toán DN						X
14	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám	X					
15	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
16	Đỗ Ngọc Anh	BM XDCTN&Mỏ	X					
17	Phan Tuấn Anh	BM XDCTN&Mỏ			X			
18	Lê Hồng Anh	BM Khoa học máy tính	X					
19	Bùi Thị Vân Anh	BM HTTT&TT		X				
20	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc Địa			X			
21	Tống Trần Anh	BM Khoan - Khai thác			X			
22	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở	X					
23	Tống Ngọc Anh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
24	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn		X				
25	Trần Thị Vân Anh	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
26	Trương Hoài Anh	BM Đo ảnh và Viễn thám						X
27	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ			X			
28	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC và DN		X				
29	Nguyễn Vân Anh	VP Đảng - Đoàn thể						X
30	Trương Phạm Phương Anh	VP Đảng - Đoàn thể			X			
31	Phạm Ngọc Anh	BM Kỹ thuật xây dựng			X			
32	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	BM Ngoại ngữ		X				
33	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí	X					
34	Kim Thị Cẩm Ánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
35	Thái Hải Âu	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
36	Phạm Quang Ba	Trung tâm dịch vụ			X			
37	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
38	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Khoa học máy tính		X				
39	Tô Xuân Bản	BM Khoáng Thạch và ĐH		X				
40	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn		X				
41	Trần Đình Bão	BM Khai thác lộ thiên		X				
42	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ		X				
43	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC và DN		X				
44	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình	X					
45	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình			X			
46	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
47	Trương Xuân Bình	BM Tin học Địa chất		X				
48	Bùi Thanh Bình	BM Khoan - Khai thác						X
49	Đỗ Văn Bình	BM Địa sinh thái &CNMT	X					
50	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở		X				
51	Hồ Thanh Bình	VPK Khoa học và KTĐC		X				
52	Nguyễn Văn Bình	Phòng Cơ sở vật chất		X				
53	Phan Văn Bình	BM Địa chất		X				
54	Trần Bắc Bộ	GDQP		X				
55	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN	X					
56	Nguyễn Văn Bưởi	BM Kinh tế cơ sở	X					
57	Trần Thiện Căn	BM TBDK&CT			X			
58	Lê Văn Cảnh	BM Trắc đia mỏ	X					
59	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất		X				
60	Đào Văn Chi	BM Khai thác hầm lò	X					
61	Nguyễn Thị Chi	Trung tâm dịch vụ			X			
62	Đỗ Lệ Chi	TT Thông tin - Thư viện		X				
63	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Kế hoạch tài chính	X					
64	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác hầm lò	X					
65	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa xí nghiệp	X					
66	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ	X					
67	Lê Đình Chiều	BM QTDN Mỏ	X					
68	Tạ Quang Chiểu	BM HTTT&TT	X					
69	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng	X					
70	Nguyễn Thái Chinh	BM Trắc địa cao cấp			X			
71	Trương Thị Chinh	BM Địa vật lý		X				
72	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		X				
73	Nguyễn Duy Chỉnh	BM Kỹ thuật Cơ khí		X				
74	Hà Thị Chúc	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
75	Nguyễn Xuân Chung	BM Vật lý			X			
76	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết		X				
77	Phạm Văn Chung	BM Trắc đia mỏ	X					
78	Hoàng Thị Chung	BM Môi trường cơ sở		X				
79	Nguyễn Kim Chung	Phòng QHCC và DN	X					
80	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ			X			
81	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc Địa	X					
82	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính	X					
83	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ	X					
84	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở	X					
85	Phạm An Cương	BM Tin học Địa chất			X			
86	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học		X				
87	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất			X			
88	Đặng Ngọc Cương	TT Thông tin - Thư viện		X				
89	Phạm Tuấn Cường	BM Toán		X				
90	Lý Kế Cường	BM Giáo dục thể chất			X			
91	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở	X					
92	Nguyễn Hồng Cường	BM Khai thác hầm lò		X				
93	Cao Xuân Cường	BM Trắc đia mỏ	X					
94	Dương Viết Cường	BM Lọc - Hóa dầu						X
95	Đỗ Cao Cường	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
96	Chu Mạnh Cường	Xưởng Cơ - Điện			X			
97	Lê Đức Cường	Phòng HCTH		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
98	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất		X				
99	Ngô Xuân Đắc	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
100	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		X				
101	Phạm Quốc Đảm	GDQP	X					
102	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH	X					
103	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất	X					
104	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết		X				
105	Lê Thị Hồng Diệp	Xưởng Cơ - Điện			X			
106	Đào Thị Hồng Diệp	TT Thông tin - Thư viện			X			
107	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính			X			
108	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ			X			
109	Đặng Vũ Đinh	BM Máy và TBCN			X			
110	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP		X				
111	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa		X				
112	Trần Văn Độ	GDQP		X				
113	Nguyễn Hữu Độ	TT Thông tin - Thư viện		X				
114	Đào Viết Đoàn	BM XDCTN&Mỏ	X					
115	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất		X				
116	Nguyễn Phương Đông	BM Kỹ thuật môi trường	X					
117	Phạm Văn Đồng	BM Công nghệ phần mềm	X					
118	Nguyễn Khắc Du	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
119	Bùi Văn Đức	BM Kỹ thuật xây dựng	X					
120	Hoàng Anh Đức	BM Công nghệ phần mềm	X					
121	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ	X					
122	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học			X			
123	Nguyễn Thị Kim Dung	BM TT HCM		X				
124	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng	X					
125	Nguyễn Thị Dung	BM Địa chính		X				
126	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc Địa		X				
127	Nguyễn Thị Thu Dung	VPK Kinh tế - QTKD		X				
128	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học, CN		X				
129	Đỗ Thị Dung	Phòng Cơ sở vật chất			X			
130	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng ĐT Sau đại học			X			
131	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình			X			
132	Lê Tiến Dũng	BM Khoáng Thạch và ĐH		X				
133	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
134	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý		X				
135	Công Tiến Dũng	BM Hóa	X					
136	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa		X				
137	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở		X				
138	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò	X					
139	Vũ Thái Tiến Dũng	BM Khai thác hầm lò		X				
140	Phạm Trung Dũng	BM Trắc địa công trình			X			
141	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc đia mỏ		X				
142	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS	X					
143	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu		X				
144	Hoàng Anh Dũng	BM TBDK&CT	X					
145	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở	X					
146	Vũ Đỗ Dũng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử			X			
147	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án		X				
148	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học	X					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
149	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			X			
150	Đỗ Thanh Dũng	VP Chương trình tiến tiến						X
151	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ			X			
152	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng	X					
153	Nguyễn Thành Dương	BM Địa chất công trình			X			
154	Bùi Thị Thùy Dương	BM NLCNMLN		X				
155	Trần Thùy Dương	BM Địa chính	X					
156	Nguyễn Thùy Dương	BM Khoa học máy tính		X				
157	Vũ Hồng Dương	BM Địa vật lý		X				
158	Phan Thị Thùy Dương	VPK Khoa học và KTĐC			X			
159	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng HCTH		X				
160	Nguyễn Ánh Dương	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
161	Hoàng Hữu Đường	BM Tuyển khoáng			X			
162	Nguyễn Bá Duy	BM Đo ảnh và Viễn thám						X
163	Trần Văn Duy	TT Thông tin - Thư viện		X				
164	Lê Thị Duyên	BM Hóa	X					
165	Lê Quang Duyến	BM Khoan - Khai thác	X					
166	Lê Thị Hương Giang	BM Toán		X				
167	Vũ Thị Hương Giang	BM Giáo dục thể chất		X				
168	Nguyễn Lê Hà Giang	BM Pháp luật				X		
169	Trần Thị Hương Giang	BM Bản đồ						X
170	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT&SS		X				
171	Trần Trường Giang	BM Tin học Trắc Địa			X			
172	Nguyễn Trường Giang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
173	Phạm Thị Châu Giang	VPK Kinh tế - QTKD		X				
174	Ngô Huyền Giang	TT Ngoại ngữ - Tin học		X				
175	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch tài chính		X				
176	Nguyễn Khắc Giảng	BM Khoáng Thạch và ĐH		X				
177	Nguyễn Văn Giáp	BM TBDK&CT		X				
178	Đoàn Văn Giáp	BM Máy và TBCN		X				
179	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình	X					
180	Trần Thị Hà	BM Vật lý		X				
181	Nguyễn Mạnh Hà	BM Hóa			X			
182	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa			X			
183	Lê Thị Thúy Hà	BM Ngoại ngữ		X				
184	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN ĐC-DK	X					
185	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN	X					
186	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCMĐCSVN		X				
187	Đỗ Thị Vân Hà	BM TT HCM	X					
188	Đinh Thị Thu Hà	BM Sức bền vật liệu		X				
189	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
190	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình	X					
191	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình	X					
192	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình		X				
193	Hoàng Ngọc Hà	BM Trắc địa PT&SS		X				
194	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc đia mỏ	X					
195	Vũ Thanh Hà	GDQP		X				
196	Trần Thị Kim Hà	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
197	Trần Hồng Hà	BM Địa sinh thái &CNMT			X			
198	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình		X				
199	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng	X					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
200	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa		X				
201	Nguyễn Thị Hà	VPK Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			X			
202	Nguyễn Mai Hà	BM Lọc - Hóa dầu			X			
203	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác CT-SV	X					
204	Vũ Hội Khánh Hà	Phòng HCTH			X			
205	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất		X				
206	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất		X				
207	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT Sau đại học	X					
208	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch tài chính			X			
209	Trần Thanh Hải	BM Địa chất	X					
210	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý	X					
211	Đỗ Thị Hải	BM Hóa		X				
212	Trần Hồng Hải	BM Hình Họa		X				
213	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN	X					
214	Phạm Thanh Hải	BM Tuyển khoáng			X			
215	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh và Viễn thám			X			
216	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính		X				
217	Ngô Thanh Hải	BM Lọc - Hóa dầu			X			
218	Đỗ Thị Hải	BM Địa sinh thái &CNMT	X					
219	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
220	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình		X				
221	Lê Thị Hải	BM Khai thác lộ thiên			X			
222	Phạm Thị Thanh Hải	BM Kỹ thuật cơ khí		X				
223	Nguyễn Quang Hải	Phòng HCTH			X			
224	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học, CN	X					
225	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán		X				
226	Nguyễn Thu Hằng	BM Toán		X				
227	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình Họa	X					
228	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế		X				
229	Nguyễn Thị Thu Hằng	BM Địa chất dầu khí		X				
230	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học, CN	X					
231	Hoàng Thị Thu Hằng	TT Thông tin - Thư viện			X			
232	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ		X				
233	Trần Thanh Hanh	GDQP		X				
234	Võ Thị Hạnh	BM Hóa		X				
235	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất		X				
236	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN	X					
237	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên			X			
238	Trần Hồng Hạnh	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
239	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC và DN		X				
240	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	X					
241	Ngô Doãn Hào	BM XDCTN&Mỏ		X				
242	Dương Văn Hào	BM Địa vật lý		X				
243	Bùi Vinh Hậu	BM Địa chất		X				
244	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý		X				
245	Phạm Đức Hậu	BM HTTT&TT		X				
246	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN		X				
247	Nguyễn Thị Hậu	VPK Môi trường		X				
248	Vũ Quang Hay	GDQP	X					
249	Hà Thị Hiến	VPK Khoa học cơ bản		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
250	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn		X				
251	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
252	Nguyễn Thị Hiền	BM Toán		X				
253	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa		X				
254	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở		X				
255	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN		X				
256	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất		X				
257	Vũ Thị Hiền	Bảng tàng địa chất		X				
258	Nguyễn Thị Hiền	BM Địa chính	X					
259	Đào Thị Hiền	VPK Cơ - Điện			X			
260	Trần Thị Thu Hiền	TT Ngoại ngữ - Tin học						X
261	Hoàng Thị Hiền	TT Thông tin - Thư viện		X				
262	Cao Xuân Hiển	BM Ngoại ngữ	X					
263	Phạm Quang Hiển	BM Tin học Kinh tế		X				
264	Nguyễn Hữu Hiệp	BM Địa chất	X					
265	Trần Văn Hiệp	BM QTDN ĐC-DK			X			
266	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCMĐCSVN		X				
267	Phạm Văn Hiệp	BM Bản đồ	X					
268	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa		X				
269	Trần Văn Hiệp	Phòng ĐBCLGD		X				
270	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất		X				
271	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	X					
272	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên	X					
273	Đào Hiếu	BM Tự động hóa xí nghiệp	X					
274	Nguyễn Duy Hiếu	TT Thông tin - Thư viện			X			
275	Nguyễn Chí Hiếu	Phòng QHCC và DN			X			
276	Nguyễn Ánh Hoa	BM Ngoại ngữ		X				
277	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên		X				
278	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
279	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở		X				
280	Trần Thị Như Hoa	BM HTTT&TT		X				
281	Phạm Văn Hòa	BM Khai thác lộ thiên	X					
282	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
283	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT&SS	X					
284	Trần Thị Hòa	BM Tin học Trắc Địa			X			
285	Nguyễn Minh Hòa	BM Địa chất dầu khí		X				
286	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật môi trường		X				
287	Nguyễn Nam Hòa	BM Sức bền vật liệu		X				
288	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch tài chính	X					
289	Đỗ Ngọc Hoàn	BM Khai thác lộ thiên		X				
290	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên	X					
291	Đoàn Khánh Hoàng	BM Tin học Trắc Địa			X			
292	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính	X					
293	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN		X				
294	Bùi Minh Hoàng	BM Kỹ thuật Cơ khí		X				
295	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa		X				
296	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN	X					
297	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý			X			
298	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí			X			
299	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật môi trường		X				
300	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ			X			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
301	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		X				
302	Trần Đức Huân	BM Kỹ thuật Cơ khí		X				
303	Hoàng Ngự Huấn	BM Toán		X				
304	Đoàn Văn Huấn	BM Lọc - Hóa dầu			X			
305	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế		X				
306	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình	X					
307	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
308	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý	X					
309	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa		X				
310	Nguyễn Viết Hùng	BM Hóa		X				
311	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất		X				
312	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác hầm lò	X					
313	Nguyễn Như Hùng	BM Sức bền vật liệu		X				
314	Phạm Văn Hùng	BM Xây dựng HTCS		X				
315	Trần Mạnh Hùng	BM Xây dựng HTCS			X			
316	Ngô Xuân Hùng	BM Kỹ thuật xây dựng			X			
317	Võ Trọng Hùng	BM XDCTN&Mỏ	X					
318	Trần Danh Hùng	BM Địa vật lý		X				
319	Nguyễn Tiến Hùng	BM Khoan - Khai thác	X					
320	Bùi Ngọc Hùng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
321	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT&SS		X				
322	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm dịch vụ			X			
323	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ			X			
324	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất	X					
325	Vũ Văn Hưng	BM Địa chất thủy văn			X			
326	Nguyễn Duy Hưng	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
327	Đào Xuân Hưng	BM Toán		X				
328	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất		X				
329	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN	X					
330	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác hầm lò	X					
331	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác hầm lò	X					
332	Lê Văn Hưng	BM Công nghệ phần mềm	X					
333	Nguyễn Phùng Hưng	BM TBDK&CT		X				
334	Hạ Quang Hưng	BM Môi trường cơ sở			X			
335	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán		X				
336	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất		X				
337	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN	X					
338	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCMĐCSVN		X				
339	Trần Thị Lan Hương	BM NLCNMLN	X					
340	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp			X			
341	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT&SS		X				
342	Trần Mai Hương	BM Tin học Trắc Địa		X				
343	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý	X					
344	Tống Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu		X				
345	Trần Thị Thu Hương	BM Địa sinh thái &CNMT	X					
346	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận chính trị	X					
347	Nguyễn Thị Hương	Phòng Công tác CT-SV		X				
348	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ			X			
349	Ngô Thị Thanh Hương	TT Thông tin - Thư viện			X			
350	Trần Thị Mai Hương	VP Đại diện		X				
351	Nguyễn Thị Hương	VPK Xây dựng		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
352	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất		X				
596	Đoàn Nguyễn Th.Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	X					
353	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ	X					
354	Lê Thị Thu Hường	BM QTDN Mỏ		X				
355	Nguyễn Thị Hường	BM QTDN Mỏ		X				
356	Tạ Thị Thu Hường	VPK Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	X					
357	Phạm Thị Thu Hường	Phòng QHCC và DN	X					
358	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiến tiến	X					
359	Ngô Văn Hưởng	BM NLCNMLN	X					
360	Trần Văn Hữu	BM Địa vật lý			X			
361	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất		X				
362	Đặng Quang Huy	BM Xây dựng HTCS			X			
363	Nguyễn Duy Huy	BM Khoa học máy tính	X					
364	Phạm Khánh Huy	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
365	Trần Văn Huyên	Phòng HCTH			X			
366	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuật môi trường			X			
367	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế		X				
368	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất		X				
369	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch tài chính		X				
370	Phạm Thanh Huyền	VPK Xây dựng		X				
371	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính	X					
372	Vương Trọng Kha	BM Trắc đia mỏ	X					
373	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác hầm lò	X					
374	Phạm Công Khải	BM Trắc đia mỏ	X					
375	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ			X			
376	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
377	Cung Quang Khang	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
378	Lý Hồng Khanh	Phòng HCTH			X			
379	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ	X					
380	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình	X					
381	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình	X					
382	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc Địa		X				
383	Nguyễn Thạc Khánh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	X					
384	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ		X				
385	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa xí nghiệp	X					
386	Đặng Viết Khuê	Xưởng Cơ - Điện			X			
387	Nguyễn Gia Khuê	Ban quản lý các dự án	X					
388	Phạm Văn Khương	Phòng HCTH			X			
389	Đặng Văn Kiên	BM XDCTN&Mỏ	X					
390	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý			X			
391	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác		X				
392	Trần Hữu Kiên	BM Khoan - Khai thác			X			
393	Phạm Trung Kiên	BM Lọc - Hóa dầu	X					
394	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT Sau đại học		X				
395	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN	X					
396	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật Cơ khí		X				
397	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn		X				
398	Nguyễn Văn Lâm	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
399	Nguyễn Thế Lâm	BM Toán		X				
400	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
401	Tăng Văn Lâm	BM Kỹ thuật xây dựng		X				
402	Phạm Thị Làn	BM Trắc đia mỏ	X					
403	Nguyễn Mộng Lân	BM Ngoại ngữ		X				
404	Nguyễn Thanh Lịch	BM Tự động hóa xí nghiệp			X			
405	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế	X					
406	Nguyễn Thị Liên	VPK Cơ - Điện	X					
407	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế			X			
408	Ngô Thị Hương Liên	TT Thông tin - Thư viện			X			
409	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		X				
410	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình		X				
411	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán		X				
412	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất		X				
413	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ		X				
414	Trần Thùy Linh	BM Trắc địa công trình		X				
415	Nguyễn Trường Linh	BM Tin học Trắc Địa						X
416	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu		X				
417	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN	X					
418	Kim Ngọc Linh	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	X					
419	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác CT-SV		X				
420	Nguyễn Khắc Lĩnh	BM Máy và TBCN		X				
421	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở	X					
422	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
423	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin		X				
424	Nguyễn Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
425	Nguyễn Thế Lộc	BM Công nghệ phần mềm		X				
426	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ		X				
427	Phạm Hữu Lợi	Phòng Thí nghiệm ĐTH	X					
428	Trần Vũ Long	BM Địa chất thủy văn		X				
429	Phạm Tuấn Long	BM Sức bền vật liệu		X				
430	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc đia mỏ		X				
431	Ngô Hùng Long	BM Tin học Địa chất				X		
432	Nguyễn Hoàng Long	BM Tin học Trắc Địa		X				
433	Nguyễn Khắc Long	BM Khoan - Khai thác			X			
434	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng	X					
435	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất		X				
436	Đoàn Công Luận	BM Máy và TBCN			X			
437	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
438	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích CNC	X					
439	Bùi Khắc Luyên	BM Trắc địa cao cấp			X			
440	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC và DN		X				
441	Nguyễn Đình Luyện	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
442	Đặng Thanh Mai	BM Ngoại ngữ		X				
443	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VPK Mỏ		X				
444	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế	X					
445	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học	X					
446	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch tài chính			X			
447	Nguyễn Xuân Mãn	BM Kỹ thuật xây dựng	X					
448	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán		X				
449	Nguyễn Hữu Mạnh	BM Địa chất thủy văn			X			
450	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật xây dựng	X					
451	Chu Thế Mạnh	Phòng HCTH			X			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
452	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa		X				
453	Trần Xuân Miễn	BM Địa chính	X					
454	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT&SS		X				
455	Trần Tuấn Minh	BM XDCTN&Mỏ	X					
456	Nguyễn Quang Minh	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
457	Hoàng Lê Minh	Tổ máy trắc địa		X				
458	Lê Đức Minh	Phòng HCTH			X			
459	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		X				
460	Nguyễn Duy Mười	BM Địa chất dầu khí			X			
461	Đỗ Thị Mường	TT Thông tin - Thư viện		X				
462	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch tài chính		X				
463	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất		X				
464	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên	X					
465	Đinh Hải Nam	BM Địa chính		X				
466	Đinh Hải Nam	BM Kỹ thuật xây dựng			X			
467	Đặng Văn Nam	BM Khoa học máy tính	X					
468	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật môi trường	X					
469	Lê Văn Nam	BM Khoan - Khai thác		X				
470	Lê Hoài Nam	Phòng HCTH			X			
471	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học		X				
472	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH		X				
473	Phạm Thị Việt Nga	BM Địa chất công trình			X			
474	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ	X					
475	Đặng Thị Hoàng Nga	BM Địa chính			X			
476	Hoàng Thị Nga	VPK Mỏ	X					
477	Lê Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV			X			
478	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác CT-SV		X				
479	Nguyễn Thị Nga	Trung tâm dịch vụ			X			
480	Hoàng Thị Nga	TT Thông tin - Thư viện		X				
481	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể	X					
482	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể	X					
483	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN ĐC-DK	X					
484	Bùi Thị Ngân	BM Địa chất dầu khí		X				
485	Vũ Minh Ngạn	BM Xây dựng HTCS	X					
486	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN		X				
487	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
488	Đặng Hữu Nghị	BM Công nghệ phần mềm		X				
489	Nguyễn Viết Nghĩa	BM Trắc đia mỏ	X					
490	Đào Văn Nghiêm	BM Địa chất			X			
491	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học, CN		X				
492	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán		X				
493	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở	X					
494	Đinh Bảo Ngọc	BM Tin học Trắc Địa		X				
495	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật môi trường		X				
496	Vũ Thị Ngọc	TT Thông tin - Thư viện		X				
497	Bùi Hữu Nguyên	BM Vật lý			X			
498	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án			X			
499	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học		X				
500	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế		X				
501	Bùi Thị Ánh Nguyệt	BM Tin học Địa chất		X				
502	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TT Thông tin - Thư viện			X			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
503	Dương Thị Nhàn	BM Kế toán DN	X					
504	Phạm Thị Nhàn	BM Kỹ thuật xây dựng	X					
505	Đinh Thị Thanh Nhàn	BM Khai thác hầm lò		X				
506	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch tài chính		X				
507	Hà Thành Như	BM Khoáng thạch và ĐH		X				
508	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở	X					
509	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật		X				
510	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng	X					
511	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình	X					
512	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu	X					
513	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN	X					
514	Nông Thị Oanh	BM Khoa học máy tính		X				
515	Nguyễn Thị Phấn	BM Tin Trắc địa			X			
516	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật xây dựng	X					
517	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở	X					
518	Phí Mạnh Phong	BM NLCNMLN		X				
519	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp	X					
520	Nguyễn Duyên Phong	BM XDCTN&Mỏ	X					
521	Nguyễn Văn Phong	GDQP	X					
522	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa xí nghiệp	X					
523	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình	X					
524	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng	X					
525	Nguyễn Xuân Phú	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
526	Nguyễn Thị Thu Phúc	BM Ngoại ngữ		X				
527	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình		X				
528	Hoàng Đình Phúc	BM Xây dựng HTCS		X				
529	Nhữ Văn Phúc	BM Khai thác lộ thiên			X			
530	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC và DN	X					
531	Lê Quang Phục	BM Khai thác hầm lò		X				
532	Lưu Hữu Phước	Phòng HCTH			X			
533	Nguyễn Thi Phương	BM NLCNMLN	X					
534	Vũ Lan Phương	BM HTTT&TT		X				
535	Nguyễn Thị Hữu Phương	BM Công nghệ phần mềm	X					
536	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở	X					
537	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh và Viễn thám	X					
538	Vũ Cúc Phương	BM TBDK&CT		X				
539	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
540	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH	X					
541	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm dịch vụ						X
542	Phạm Thị Thanh Phương	VP Đảng - Đoàn thể			X			
543	Lê Bích Phượng	BM Toán	X					
544	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN	X					
545	Phan Thị Phượng	TT Thông tin - Thư viện		X				
546	Dương Anh Quân	BM Bản đồ		X				
547	Trần Anh Quân	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
548	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin			X			
549	Hồ Văn Quân	Phòng Đào tạo Đại học		X				
550	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN		X				
551	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác hầm lò	X					
552	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp		X				
553	Nguyễn Văn Quảng	GDQP	X					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
554	Dương Thành Quảng	Phòng HCTH			X			
555	Hoàng Đình Quế	BM Địa chất			X			
556	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			X			
557	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ			X			
558	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ	X					
559	Nguyễn Minh Quyền	BM Địa chất		X				
560	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên		X				
561	Vương Thị Như Quỳnh	BM HTTT&TT		X				
562	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất						X
563	Phạm Như Sang	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
564	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp	X					
565	Nguyễn Thị Sim	Trung tâm dịch vụ			X			
566	Phạm Trường Sinh	BM Khoáng Thạch và ĐH			X			
567	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH		X				
568	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình	X					
569	Phan Viết Sơn	BM Tìm kiếm thăm dò	X					
570	Nguyễn Thị Kim Sơn	BM Toán		X				
571	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết		X				
572	Nguyễn Văn Sơn	BM TT HCM		X				
573	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác hầm lò		X				
574	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng	X					
575	Phùng Minh Sơn	BM Địa chính			X			
576	Ngô Hà Sơn	BM Lọc - Hóa dầu	X					
577	Hồ Văn Sơn	BM Lọc - Hóa dầu			X			
578	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN	X					
579	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án		X				
580	Phạm Trường Sơn	Phòng HCTH		X				
581	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng HCTH			X			
582	Đỗ Thành Sỹ	BM Khoan - Khai thác						X
583	Nguyễn Tiến Sỹ	BM Kỹ thuật điện - Điện tử		X				
584	Nguyễn Trường Tài	BM Địa chất			X			
585	Hoàng Văn Tài	BM Hình Họa		X				
586	Vũ Thanh Tâm	BM Ngoại ngữ		X				
587	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp		X				
588	Dương Thị Tâm	BM Tin học Địa chất				X		
589	Nguyễn Thị Tâm	Phòng Công tác CT-SV			X			
590	Phạm T Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ			X			
591	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính		X				
592	Nguyễn Đăng Tấn	BM Máy và TBCN		X				
593	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ	X					
594	Đỗ Mạnh Tấn	BM XDCTN&Mỏ			X			
595	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
597	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác		X				
598	Đặng Huy Thái	BM QTDN Mỏ	X					
599	Phan Thị Thái	BM QTDN ĐC-DK	X					
600	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh và Viễn thám						X
601	Đỗ Ngọc Thái	BM XDCTN&Mỏ		X				
602	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng Thí nghiệm ĐTH			X			
603	Nguyễn Thị Thắm	Phòng HCTH		X				
604	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình		X				
605	Đào Việt Thắng	BM Vật lý	X					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
606	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ	X					
607	Nguyễn Viết Thắng	BM Sức bền vật liệu		X				
608	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình		X				
609	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS		X				
610	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu	X					
611	Đinh Văn Thắng	BM Kỹ thuật điện - Điện tử	X					
612	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa			X			
613	Lê Thị Hồng Thắng	BM Máy và TBCN		X				
614	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán	X					
615	Trần Văn Thanh	BM Khai thác hầm lò		X				
616	Nguyễn Thị Kim Thanh	BM Trắc địa công trình		X				
617	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế		X				
618	Nguyễn Thị Thanh	BM Công nghệ phần mềm		X				
619	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN		X				
620	Nguyễn Trung Thành	BM Khoáng Thạch và ĐH						X
621	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất	X					
622	Trần Đình Thành	BM Địa chính			X			
623	Đặng Trung Thành	BM XDCTN&Mỏ	X					
624	Nguyễn Chí Thành	BM XDCTN&Mỏ		X				
625	Nguyễn Văn Thành	BM Khoan - Khai thác		X				
626	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật môi trường		X				
627	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN	X					
628	Đỗ Đức Thành	BM Điện khí hóa XN		X				
629	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học		X				
630	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn	X					
631	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
632	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý	X					
633	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa		X				
634	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ	X					
635	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở		X				
636	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	BM QTDN ĐC-DK	X					
637	Lê Quí Thảo	BM Khai thác lộ thiên	X					
638	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác hầm lò	X					
639	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ	X					
640	Ngô Thị Phương Thảo	BM Tin học Trắc Địa	X					
641	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa sinh thái &CNMT		X				
642	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phòng HCTH	X					
643	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	X					
644	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch tài chính			X			
645	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		X				
646	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý		X				
647	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật Cơ khí	X					
648	Dương Chí Thiện	BM HTTT&TT		X				
649	Đỗ Tiến Thiết	BM Giáo dục thể chất			X			
650	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa		X				
651	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN		X				
652	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác hầm lò	X					
653	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS		X				
654	Nguyễn Văn Thịnh	BM TBDK&CT	X					
655	Kiều Đức Thịnh	BM Máy và TBCN		X				
656	Phạm Đức Thọ	BM Xây dựng HTCS	X					

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
657	Hoàng Thị Thoa	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
658	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa		X				
659	Phạm Thị Kim Thoa	BM Địa chính		X				
660	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác CT-SV	X					
661	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất		X				
662	Kiều Duy Thông	BM Địa vật lý	X					
663	Lê Minh Thống	BM QTDN ĐC-DK	X					
664	Lê Thị Thu	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
665	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý		X				
666	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN	X					
667	Nguyễn Minh Thu	Phòng HCTH			X			
668	Vũ Thị Hoài Thu	TT Ngoại ngữ - Tin học		X				
669	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học			X			
670	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ			X			
671	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	X					
672	Vũ Anh Thư	BM Địa chất			X			
673	Vũ Kim Thư	BM Hóa		X				
674	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN				X		
675	Đào Anh Thư	BM Mạng máy tính		X				
676	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật môi trường	X					
677	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ		X				
678	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng			X			
679	Trần Đình Thước	BM Ngoại ngữ		X				
680	Nguyễn Văn Thưởng	BM QTDN Mỏ		X				
681	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết		X				
682	Đặng Hồng Thúy	BM Trắc địa cao cấp				X		
683	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính	X					
684	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác CT-SV		X				
685	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			X			
686	Hoàng Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện		X				
687	Diêm Thị Thùy	BM Tin Trắc địa		X				
688	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ			X			
689	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		X				
690	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn		X				
691	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ	X					
692	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN ĐC-DK	X					
693	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN	X					
694	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu	X					
695	Đặng Thị Ngọc Thủy	BM Kỹ thuật môi trường		X				
696	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa sinh thái &CNMT	X					
697	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật Cơ khí	X					
698	Nguyễn Thu Thủy	VPK Dầu khí		X				
699	Hà Văn Thủy	Xưởng Cơ - Điện	X					
700	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN		X				
701	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT Ngoại ngữ - Tin học	X					
702	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	X					
703	Nguyễn Thị Thu Thủy	TT Thông tin - Thư viện		X				
704	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Kế hoạch tài chính	X					
705	Hoàng Thị Thủy	BM Kế toán DN			X			
706	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT&SS		X				
707	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế			X			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
708	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu			X			
709	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác hầm lò		X				
710	Trần Mạnh Tiến	BM Sức bền vật liệu			X			
711	Nguyễn Tài Tiến	BM XDCTN&Mỏ		X				
712	Phan Mạnh Tiến	BM Khoa học máy tính						X
713	Phạm Văn Tiến	BM Máy và TBCN		X				
714	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN		X				
715	Đồng Hữu Tiến	VP Đại diện		X				
716	Nguyễn Viết Tình	BM Địa chất công trình		X				
717	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình		X				
718	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
719	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		X				
720	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
721	Tạ Thị Toán	BM Tìm kiếm thăm dò		X				
722	Vũ Đình Toàn	BM Trắc địa cao cấp			X			
723	Tô Hữu Toàn	BM Khoan - Khai thác			X			
724	Vũ Văn Toàn	BM Lọc - Hóa dầu		X				
725	Nguyễn Đức Toàn	Phòng HCTH			X			
726	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng	X					
727	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN		X				
728	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết			X			
729	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCMĐCSVN		X				
730	Doãn Thị Trâm	BM Khoan - Khai thác		X				
731	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở	X					
732	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN	X					
733	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh và Viễn thám						X
734	Võ Thị Thu Trang	BM Tin học Kinh tế		X				
735	Hồ Thị Thảo Trang	BM Công nghệ phần mềm		X				
736	Phùng Văn Trang	BM Tự động hóa xí nghiệp			X			
737	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp		X				
738	Ngọ Thị Hương Trang	BM Xây dựng HTCS			X			
739	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường		X				
740	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh và Viễn thám		X				
741	Nguyễn Văn Trí	BM XDCTN&Mỏ		X				
742	Hà Hữu Cao Trình	BM Toán		X				
743	Nguyễn Hữu Trọng	BM Khoáng Thạch và ĐH			X			
744	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp		X				
745	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ		X				
746	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh và Viễn thám	X					
747	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT&SS		X				
748	Đặng Quốc Trung	BM HTTT&TT		X				
749	Trần Quang Trung	BM Địa vật lý						X
750	Trần Bá Trung	BM Máy và TBCN			X			
751	Lê Xuân Trường	BM Tìm kiếm thăm dò			X			
752	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh và Viễn thám	X					
753	Hoàng Xuân Trường	GDQP		X				
754	Triệu Hùng Trường	BM TBDK&CT	X					
755	Hà Ngọc Trường	Phòng HCTH		X				
756	Nguyễn Hồng Trường	TT Thông tin - Thư viện	X					
757	Lê Thị Ngọc Tú	BM Khoáng Thạch và ĐH			X			
758	Đỗ Ngọc Tú	BM Sức bền vật liệu		X				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
759	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP	X					
760	Trương Văn Từ	BM Khoan - Khai thác		X				
761	Nguyễn Trần Tuân	BM Khoan - Khai thác	X					
762	Trần Ngọc Tuân	BM Lọc - Hóa dầu		X				
763	Phạm Minh Tuấn	BM Địa chất công trình			X			
764	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn			X			
765	Tống Bá Tuấn	BM Vật lý	X					
766	Lê Viết Tuấn	BM Giáo dục thể chất		X				
767	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ	X					
768	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN ĐC-DK	X					
769	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên	X					
770	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình		X				
771	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS			X			
772	Hoàng Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS			X			
773	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí	X					
774	Nguyễn Thanh Tuấn	BM TBDK&CT		X				
775	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN	X					
776	Trần Anh Tuấn	BM Trắc địa PT&SS	X					
777	Nguyễn Văn Tuệ	BM Kỹ thuật Cơ khí		X				
778	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN ĐC-DK	X					
779	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác hầm lò	X					
780	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí						X
781	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật Cơ khí	X					
782	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Cơ sở vật chất		X				
783	Hàn Văn Tưởng	Phòng HCTH			X			
784	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý	X					
785	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình Họa		X				
786	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa xí nghiệp		X				
787	Đào Thị Tuyết	BM Pháp luật		X				
788	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính		X				
789	Đào Thị Uyên	BM TBDK&CT			X			
790	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	X					
791	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ		X				
792	Trịnh Thị Vân	BM Ngoại ngữ		X				
793	Đào Thị Thu Vân	BM HTTT&TT		X				
794	Trần Thị Khánh Vân	BM QTDN Mỏ			X			
795	Trần Thị Hải Vân	Phòng Thí nghiệm ĐTH	X					
796	Phạm Thị Hải Vân	BM Công nghệ phần mềm		X				
797	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế		X				
798	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác CT-SV		X				
799	Trần Thị Hải Vân	Phòng Công tác CT-SV			X			
800	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học			X			
801	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT Sau đại học		X				
802	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật môi trường		X				
803	Bùi Huy Văn	Phòng HCTH		X				
804	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên	X					
805	Lê Huy Việt	BM Kỹ thuật xây dựng		X				
806	Đặng Thị Vinh	BM Khoáng Thạch và ĐH		X				
807	Lê Thị Vinh	BM Hóa		X				
808	Trần Thị Tuyết Vinh	BM Bản đồ		X				
809	Bùi Thế Vinh	BM Công nghệ phần mềm						X

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá					
			A^+	A	B^+	B	C	KĐG
810	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác	X					
811	Lê Đức Vinh	BM TBDK&CT	X					
812	Nguyễn Văn Vinh	BM Khoan - Khai thác		X				
813	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD			X			
814	Tô Xuân Vu	BM Địa chất công trình		X				
815	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất		X				
816	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCMĐCSVN		X				
817	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN	X					
818	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc Địa	X					
819	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ			X			
820	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN	X					
821	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật		X				
822	Lê Thị Yến	BM TT HCM		X				
823	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính		X				
824	Nguyễn Thị Hải Yến	BM TBDK&CT	X					
825	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD	X					
826	Nguyễn Thị Hải Yến	TT Thông tin - Thư viện	X					
827	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất		X				
828	Phạm Thị Yến	BM XDCTN&Mỏ	X					
Tổng			**253**	**390**	**160**	**5**	**0**	**20**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 884 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-MĐC ngày 14/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-MĐC ngày 09/4/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-MĐC ngày 27/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ dung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-MĐC ngày 30/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy và Quy định đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-MĐC ngày 14/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng dạy;

Căn cứ Kết luận cuộc họp của Hội đồng đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng năm học 2019 - 2020 ngày 01/9/2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân năm học 2019 - 2020 gồm các cá nhân và đơn vị có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB$_{(6)}$.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải



KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ TẬP THỂ NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học
1	Phòng ĐTĐH	A+
2	Trạm Y tế	A+
3	TTDV	B+
4	P. KHTC	A+
5	Phòng Xuất Bản	A
6	TT NNTH	A
7	Phòng ĐT SĐH	A+
8	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
9	HCTH	A+
10	Ban QLCDA	A+
11	P. HTQT	A+
12	Phòng CSVC	A
13	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
14	P. QHCC&DN	A
15	TTTT-TV	A+
16	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
17	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A
18	Phòng CTCTSV	A+
19	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	A+
20	P.KHCN	A+
21	**Khoa Môi trường**	A+
	Bộ môn Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
22	**Khoa Kinh tế - QTKD**	A+
	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
23	**Khoa KHCB**	B
	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
	Bộ môn Hình họa	A
	Bộ môn Hóa	A+
	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
	Bộ môn Toán	B
	Bộ môn Vật lý	A+
24	**Khoa KH&KTĐC**	A+
	Bộ môn Địa chất	A
	Bộ môn Địa chất công trình	A+
	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
	Bảo tàng địa chất	B+
25	**Khoa Giáo dục QP**	A+

	Bộ môn Đường lối quận sự	A+
	Bộ môn Kỹ thuật quân sự	A+
26	**Khoa Xây dựng**	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
	Bộ môn Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ	A+
	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
27	**Khoa Trắc địa-BĐ&QLĐĐ**	A+
	Bộ môn Bản đồ	A
	Bộ môn Địa chính	A+
	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
	Tổ máy trắc địa	A+
28	**Khoa Mỏ**	A+
	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
29	**Khoa LLCT**	A+
	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	A+
	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Chủ nghĩa xã hội khoa học	A+
30	**Khoa Dầu khí**	A+
	Bộ môn Địa chất dầu	A+
	Bộ môn Địa vật lý	A+
	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
	Bộ môn Thiết bị dầu khí và công trình	A+
31	**Khoa Cơ - Điện**	B
	Bộ môn Điện khí hóa	A+
	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A+
	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ và Dầu khí	B
	Xưởng Cơ	B+
32	**Khoa CNTT**	A+
	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
	Bộ môn Hệ thống thông tin và tri thức	A+
	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
	Bộ môn Mạng máy tính	A+
	Bộ môn Tin học Địa chất	A
	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
	Phòng Thí nghiệm Địa Tin học	A+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884 /QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức phân loại, đánh giá năm học 2019 -
A	**Nhóm chuyên viên VP Khoa**		
1	Hà Thị Hiến	Văn phòng khoa KHCB	B+
2	Hồ Thanh Bình	Văn phòng khoa KH&KTĐC	B
3	Phan Thị Thùy Dương	Văn phòng khoa KH&KTĐC	A
4	Phạm Thị Châu Giang	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
5	Nguyễn Thị Thu Dung	Văn phòng Khoa Kinh tế	A
6	Nguyễn Thị Liên	Văn phòng Khoa Cơ điện	A+
7	Đào Thị Hiền	Văn phòng Khoa Cơ điện	A
8	Hoàng Thu Trang	VPK Môi trường	A+
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	VP Khoa DK	A
10	Nguyễn Thu Thủy	VP Khoa DK	A
11	Tạ Thị Thu Hường	VP Khoa TĐBĐ&QLĐĐ	A+
12	Nguyễn Thị Hà	VP Khoa TĐBĐ&QLĐĐ	B+
13	Hoàng Thị Nga	VP Khoa Mỏ	A
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	VP Khoa Mỏ	A+
15	Nguyễn Thị Hương	VP Khoa Xây dựng	A
16	Phạm Thanh Huyền	VP Khoa Xây dựng	B+
17	Nguyễn Thu Hương	VP Khoa LLCT	A+
18	Phạm Công Tú	VP Khoa GDQP	A+
19	Lê Thị Định	VP Khoa GDQP	B+
20	Nguyễn Đức Quân	VPK Khoa CNTT	B+
21	Nguyễn Thị Loan	VPK Khoa CNTT	A
B	**Nhóm chuyên viên Khối phòng ban**		
	Phòng Đào tạo Đại học		
22	Lại Kim Cương	Phòng ĐTĐH	A
23	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐTĐH	A
24	Nguyễn Văn Đức	Phòng ĐTĐH	A
25	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng ĐTĐH	A
26	Bùi Thị Mai	Phòng ĐTĐH	A
27	Đào Duy Nam	Phòng ĐTĐH	B+
28	Phạm Thị Nguyên	Phòng ĐTĐH	A
29	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng ĐTĐH	A+
30	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng ĐTĐH	A
31	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng ĐTĐH	A+
32	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng ĐTĐH	A+
	Trạm Y tế		
33	Đỗ Thúy Mai	Trạm Y tế	A+
34	Nguyễn Thanh Huyền	Trạm Y tế	A
35	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	A
36	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	B+
37	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	B+
	Trung tâm dịch vụ		

38	Đinh Hữu Khánh	TTDV	B+
39	Vũ Thế Hùng	TTDV	A
40	Nguyễn Văn Hùng	TTDV	B+
41	Nguyễn Văn Khẩn	TTDV	A
42	Nguyễn Xuân Thuận	TTDV	B+
43	Lê Thị Thanh Xuân	TTDV	A
44	Hà Tú Hương	TTDV	B+
45	Nguyễn Thị Hồng	TTDV	B+
46	Phan Thanh Chương	TTDV	B+
47	Phạm Thị Quy	TTDV	B+
48	Nguyễn Thị Thu	TTDV	A
49	Quách Thị Thu Phương	TTDV	KĐG
50	Đỗ Khắc Điệp	TTDV	B+
51	Nguyễn Thị Sim	TTDV	B+
52	Bùi Thị Kim Anh	TTDV	B+
53	Trần Thị Dược	TTDV	B+
54	Vũ Thị Phương Thùy	TTDV	B+
55	Nguyễn Mai Hà	TTDV	B+
56	Phạm Thị Thanh Tâm	TTDV	B+
	Phòng Kế hoạch tài chính		
57	Phạm Thị Thu Thủy	P. KHTC	A+
58	Phạm Thị Phương Chi	P. KHTC	A+
59	Quách Thị Nhịp	P. KHTC	A
60	Nhâm Quỳnh Giang	P. KHTC	A
61	Trương Thị Thanh Huyền	P. KHTC	A
62	Nguyễn Thu Hà	P. KHTC	A
63	Cao Thu Hoài	P. KHTC	A+
64	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. KHTC	B+
65	Đỗ Thủy Trà My	P. KHTC	A
66	Phạm Tuyết Mai	P. KHTC	A
	Phòng Xuất bản		
67	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất Bản	A
68	Vộ Thị Công Chính	Phòng Xuất Bản	A
69	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất Bản	A
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		
70	Vũ Thị Hoài Thu	TT NNTH	A
71	Đỗ Thị Thanh Thủy	TT NNTH	B+
72	Trần Thị Thu Hiền	TT NNTH	B+
73	Ngô Huyền Giang	TT NNTH	A
	Phòng Đào tạo SĐH		
74	Hà Ngọc Kiên	Phòng ĐT SĐH	A
75	Hoàng T.Phương Dung	Phòng ĐT SĐH	A
76	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐT SĐH	A
77	Phạm Ngọc Hà	Phòng ĐT SĐH	A+
	Văn phòng Chương trình tiên tiến		
78	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B+
79	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến	A
80	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến	B
	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
81	Nguyễn Thị Thu Thảo	HCTH	A+
82	Nguyễn Thị Dàng	HCTH	A+
83	Nguyễn Minh Thu	HCTH	A+

84	Nguyễn Thị Thắm	HCTH	A+
85	Trần Thị Lan Phương	HCTH	A+
86	Nguyễn Thị Chi	HCTH	A
87	Nguyễn Thị Nga	HCTH	A
88	Nguyễn Ngọc Sự	HCTH	B+
89	Hoàng Văn Sinh	HCTH	A
90	Lý Hồng Khanh	HCTH	B+
91	Nguyễn Đức Toàn	HCTH	A
92	Phạm Trường Sơn	HCTH	B+
93	Nguyễn Quang Hải	HCTH	B+
94	Lê Hoài Nam	HCTH	B+
95	Trần Văn Huyên	HCTH	A
96	Phạm Văn Khương	HCTH	B+
97	Lưu Hữu Phước	HCTH	A
98	Dương Thành Quảng	HCTH	B+
99	Lê Đức Minh	HCTH	B+
100	Hàn Văn Tưởng	HCTH	B+
101	Chu Thế Mạnh	HCTH	B+
102	Lê Đức Cường	HCTH	A
103	Nguyễn Đức Năng	HCTH	A
104	Bùi Huy Văn	HCTH	A
105	Hà Ngọc Trường	HCTH	A
	Ban quản lý dự án		
106	Nguyễn Gia Khuê	Ban QLCDA	A+
107	Lại Thiên Nguyên	Ban QLCDA	A+
108	Nguyễn Tiến Dũng	Ban QLCDA	A+
109	Nguyễn Ngọc Dương	Ban QLCDA	A+
110	Nguyễn Thị Sơn	Ban QLCDA	B+
	Hợp tác quốc tế		
111	Nguyễn Thị Phương Thảo	P. HTQT	A+
	Phòng Cơ sở vật chất		
112	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng CSVC	A
113	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CSVC	A
114	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng CSVC	A
115	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng CSVC	A
116	Lê Tiến Dũng	Phòng CSVC	B+
117	Trần Thị Hương	Phòng CSVC	A
118	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng CSVC	A
119	Tạ Văn Minh	Phòng CSVC	A
120	Ninh Ngọc Cương	Phòng CSVC	A
121	Nguyễn Đình Cường	Phòng CSVC	A
122	Nguyễn Thế	Phòng CSVC	A
123	Trần Thiện Căn	Phòng CSVC	B
124	Trịnh Thị Hợp	Phòng CSVC	A
125	Nguyễn Thị Thúy	Phòng CSVC	A
126	Trần Thị Thu Huyền	Phòng CSVC	A
127	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng CSVC	B+
	Phòng Tổ chức - Cán bộ		
128	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
129	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+
130	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
131	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	A+

132	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	A
	Phòng Quan hệ Công chúng và DN		
133	Nguyễn Kim Chung	P. QHCC&DN	A+
134	Nguyễn Chí Hiếu	P. QHCC&DN	KĐG
135	Lê Chí Phúc	P. QHCC&DN	B+
136	Nguyễn Hồng Hạnh	P. QHCC&DN	A+
137	Đoàn Thị Luyên	P. QHCC&DN	A+
138	Nguyễn Thị Biên	P. QHCC&DN	B+
139	Trần Thị Thu Trang	P. QHCC&DN	A+
140	Nguyễn Thế Anh	P. QHCC&DN	B+
141	Đặng Lê Văn	P. QHCC&DN	A
	Trung tâm TT thư viện		
142	Nguyễn Hồng Trường	TTTT-TV	A+
143	Nguyễn Thị Hải Yến	TTTT-TV	A+
144	Nguyễn Thị Thu Thủy	TTTT-TV	A
145	Hoàng Thị Thúy	TTTT-TV	A+
146	Đỗ Lệ Chi	TTTT-TV	A
147	Hoàng Thị Nga	TTTT-TV	A
148	Đỗ Thị Mường	TTTT-TV	B+
149	Nguyễn Hữu Độ	TTTT-TV	A
150	Vũ Thị Ngọc	TTTT-TV	A
151	Đặng Ngọc Cương	TTTT-TV	A
152	Nguyễn Duy Hiếu	TTTT-TV	A
153	Phan Thị Phượng	TTTT-TV	A
154	Đào Thị Hồng Diệp	TTTT-TV	A
155	Ngô Thị Thanh Hương	TTTT-TV	B+
156	Hoàng Thị Hiền	TTTT-TV	A
157	Trần Văn Duy	TTTT-TV	A
158	Ngô Thị Hương Liên	TTTT-TV	B+
	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		
159	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
160	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo CLGD	A
161	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo CLGD	A
162	Trần Văn Hiệp	Phòng Đảm bảo CLGD	A+
	TT Phân tích, TN công nghệ cao		
163	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích, TN công nghệ cao	A+
	Phòng Công tác chính trị sinh viên		
164	Chu Thị Thúy Nga	Phòng CTCTSV	A
165	Phạm Thị Hương	Phòng CTCTSV	A
166	Đào Thị Thơm	Phòng CTCTSV	A+
167	Phan Thị Thúy	Phòng CTCTSV	A
168	Nguyễn Thùy Linh	Phòng CTCTSV	A+
169	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng CTCTSV	A
170	Trương Thúy Hà	Phòng CTCTSV	A
	VP Bà Rịa VT		
171	Đồng Hữu Tiến	VP Bà Rịa VT	A+
172	Trần Thị Mai Hương	VP Bà Rịa VT	A
	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		
173	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A+
174	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
175	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng-Đoàn thể	A
	Phòng Khoa học công nghệ		

176	Nguyễn Thị Ngọc Dung	P.KHCN	A+
177	Hoàng Thu Hằng	P.KHCN	A+
178	Nguyễn Thanh Hải	P.KHCN	A
179	Phạm Đức Nghiệp	P.KHCN	A
C	**Khối Kỹ sư**		
180	Phạm Thị Thanh Hải	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
181	Kiều Thị Vân Anh	BM ĐCTV	A+
182	Phạm Thị Ngọc Hà	Bộ môn ĐCCT	A+
183	Phùng Hữu Hải	Bộ môn ĐCCT	A
184	Hà Thành Như	Khoáng Thạch và ĐH	A
185	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất	A
186	Vũ Thị Hiền	BTĐC	B+
187	Trần Thị Khánh Vân	Phòng Thực nghiệm	B+
188	Lê Thị Hồng Thắng	Bộ môn Máy &TBCN	A+
189	Hà Văn Thủy	Xưởng cơ điện	A
190	Đặng Viết Khuê	Xưởng cơ điện	B+
191	Chu Mạnh Cường	Xưởng cơ điện	B+
192	Lê T. Hồng Diệp	Xưởng cơ điện	B+
193	Đào Thị Thủy	Bộ môn Điện khí hóa	A
194	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa	A+
195	Nguyễn Thị Thu Huyền	BM Kỹ thuậtmôi trường	B+
196	Trần Văn Hữu	ĐVL	B+
197	Vũ Cúc Phương	TBDK&CT	B+
198	Trần Ngọc Tuân	LHD	B+
199	Lê Văn Nam	KKT	A+
200	Nguyễn Văn Vinh	KKT	A
201	Nguyễn Danh Đức	BM Bản đồ	A+
202	Nguyễn Thị Hiền	Địa chính	B
203	Trương Minh Hùng	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
204	Trần Anh Tuấn	Trắc địa phổ thông và sai số	A+
205	Nguyễn Thế Hiệp	Tổ máy trắc địa	A+
206	Nguyễn Quang Thắng	Tổ máy trắc địa	A
207	Nguyễn Thị Mến	Tổ máy trắc địa	A+
208	Cù Thị Thu Hà	Tổ máy trắc địa	A
209	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh & viễn thám	B
210	Lê Việt Hà	TK	A+
211	Nguyễn Nam Hòa	SBVL	B+
212	Đinh Thị Thanh Nhàn	KTHL	A+
213	Nhữ Văn Phúc	KTLT	B
214	Lê Thị Hải	KTLT	B+
215	Phạm Thị Yến	XD CTN&M	B+
216	Ngọ Thị Hương Trang	XD HTCS	A
217	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Tin học Địa chất	A
218	Trần Thị Như Hoa	HTTT&TT	A
219	Diêm Thị Thùy	Tin Trắc địa	B+
220	Nguyễn Thị Phấn	Tin Trắc địa	B+
221	Phạm Hữu Lợi	Phòng TN ĐTH	A+
222	Đào Thị Hồng Thắm	Phòng TN ĐTH	A
223	Trần Thị Hải Vân	Phòng TN ĐTH	A+
224	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính	A
225	Vũ Thị Kim Liên	Tin học kinh tế	A+
226	Phạm Thị Hải Vân	CNPM	B+

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN NĂM HỌC 2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 9 năm 2020) của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Mã giảng viên	Họ và tên	Đơn vị quản lý	Mức phân loại đánh giá năm học 2019 - 2020
1	0408-13	Đỗ Văn Bình	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
2	0408-03	Trần Thị Kim Hà	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
3	0408-10	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	B+
4	0408-14	Vũ Thị Phương Thảo	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
5	0408-06	Trần Thị Thu Hương	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
6	0408-05	Phạm Khánh Huy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
7	0408-08	Trần Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
8	0408-11	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
9	0408-07	Nguyễn Mai Hoa	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
10	0408-09	Đỗ Cao Cường	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A
11	0408-12	Trần Anh Quân	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	A+
12	0408-02	Đào Đình Thuần	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
13	0302-08	Phan Quang Văn	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
14	0103-15	Nguyễn Hoàng Nam	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
15	1103-04	Đặng Thị Ngọc Thủy	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
16	1103-05	Đào Trung Thành	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
17	1103-06	Nguyễn Thị Hòa	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
18	1103-07	Nguyễn Thị Hồng	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	B+
19	1103-09	Nguyễn Phương Đông	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A+
20	1103-10	Trần Thị Ngọc	Bộ môn Kỹ thuật Môi trường	A
21	0402-01	Nguyễn Phương	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
22	0403-09	Đỗ Văn Nhuận	Bộ môn Môi trường cơ sở	B+
23	0601-06	Nguyễn Văn Dũng	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
24	1101-03	Nguyễn Quốc Phi	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
25	0103-02	Hoàng Thị Chung	Bộ môn Môi trường cơ sở	B
26	0407-06	Nguyễn Văn Bình	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
27	0402-12	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
28	1101-09	Vũ Thị Lan Anh	Bộ môn Môi trường cơ sở	A+
29	1101-08	Phan Thị Mai Hoa	Bộ môn Môi trường cơ sở	A
30	0704-01	Nguyễn Duy Lạc	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
31	0704-02	Bùi Thị Thu Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
32	0704-03	Nguyễn Thị Bích Phượng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+

33	0704-04	Nguyễn Thị Kim Oanh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
34	0704-05	Phí Thị Kim Thư	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
35	0704-07	Phạm Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
36	0704-06	Lưu Thị Thu Hà	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
37	0704-08	Nguyễn Tiến Hưng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
38	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
39	0704-11	Dương Thị Nhàn	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
40	0704-10	Phạm Thu Hương	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
41	0704-14	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
42	0704-16	Lê Thị Thu Hồng	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A
43	0704-13	Nguyễn Thị Minh Thu	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
44	0704-17	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
45	0704-19	Phan Minh QUang	Bộ môn Kế toán doanh nghiệp	A+
46	0702-02	Nguyễn Văn Bưởi	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
47	0701-02	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
48	0701-03	Nguyễn Thị Hồng Loan	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
49	0701-05	Phí Mạnh Cường	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
50	0701-04	Trần Anh Dũng	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
51	0701-06	Vũ Diệp Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
52	0701-07	Phạm Thu Trang	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
53	0701-10	Nguyễn Thanh Thảo	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
54	0701-09	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A+
55	0701-08	Vũ Thị Hiền	Bộ môn Kinh tế cơ sở	A
56	0703-02	Đỗ Hữu Tùng	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
57	0703-03	Phan Thị Thái	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
58	0703-04	Nguyễn Thị Kim Ngân	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
59	0703-05	Nguyễn Thanh Thủy	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
60	0703-07	Lê Minh Thống	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
61	0703-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
62	0703-08	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A+
63	0703-10	Phạm Ngọc Tuấn	Bộ môn QTKD Địa chất - Dầu khí	A
64	0702-01	Đặng Huy Thái	Bộ môn QTKD Mỏ	A
65	0702-03	Đào Anh Tuấn	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
66	0702-04	Nguyễn Thị Hoài Nga	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
67	0702-05	Đồng Thị Bích	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
68	0702-06	Nguyễn Ngọc Khánh	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
69	0702-07	Lê Thị Thu Hường	Bộ môn QTKD Mỏ	A
70	0702-09	Phan Thị Thùy Linh	Bộ môn QTKD Mỏ	A
71	0702-10	Nguyễn Đức Thắng	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
72	0702-12	Lê Đình Chiều	Bộ môn QTKD Mỏ	A+

73	0702-11	Nguyễn Thị Hường	Bộ môn QTKD Mỏ	A
74	0702-13	Phạm Kiên Trung	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
75	0702-14	Nguyễn Văn Thưởng	Bộ môn QTKD Mỏ	A
76	0702-15	Lê Văn Chiến	Bộ môn QTKD Mỏ	A+
77	0105-01	Trần Đình Sơn	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
78	0105-03	Trần Thị Trâm	Bộ môn Cơ lý thuyết	B+
79	0105-07	Bùi Thị Thúy	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
80	0105-09	Phạm Ngọc Chung	Bộ môn Cơ lý thuyết	A+
81	0105-10	Đinh Công Đạt	Bộ môn Cơ lý thuyết	A
82	0107-02	Nguyễn Quang Huy	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
83	0107-05	Thái Việt Hưng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
84	0107-08	Lương Anh Hùng	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
85	0107-10	Lê Viết Tuấn	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
86	0107-12	Lã Ngọc Linh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
87	0107-17	Trần Lan Hương	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
88	0107-15	Nguyễn Huy Thông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A+
89	0107-21	Vũ Thị Hương Giang	Bộ môn Giáo dục thể chất	B+
90	0107-19	Nguyễn Trường Đông	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
91	0107-20	Chu Thị Hồng Hạnh	Bộ môn Giáo dục thể chất	A
92	0104-01	Trần Hồng Hải	Bộ môn Hình họa	A
93	0104-04	Lê Thị Thanh Hằng	Bộ môn Hình họa	A
94	0104-05	Vũ Hữu Tuyên	Bộ môn Hình họa	B+
95	0104-08	Đỗ Việt Anh	Bộ môn Hình họa	B+
96	0104-06	Hoàng Văn Tài	Bộ môn Hình họa	B+
97	0104-07	Phạm Thị Mai Anh	Bộ môn Hình họa	B+
98	0103-09	Nguyễn Thu Hà	Bộ môn Hóa	B+
99	0103-10	Đỗ Thị Hải	Bộ môn Hóa	B+
100	0103-12	Hà Mạnh Hùng	Bộ môn Hóa	A+
101	0103-16	Vũ Kim Thư	Bộ môn Hóa	A+
102	0103-21	Lê Thị Vinh	Bộ môn Hóa	A
103	0103-08	Nguyễn Mạnh Hà	Bộ môn Hóa	A
104	0103-06	Lê Thị Duyên	Bộ môn Hóa	A
105	0103-07	Nguyễn Đình Độ	Bộ môn Hóa	B+
106	0103-18	Lê Thị Phương Thảo	Bộ môn Hóa	A
107	0103-24	Vũ Thị Minh Hồng	Bộ môn Hóa	A
108	0103-13	Nguyễn Thị Thu Hiền	Bộ môn Hóa	B+
109	0103-20	Vũ Duy Thịnh	Bộ môn Hóa	A
110	0103-05	Phạm Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	B+
111	0103-03	Công Tiến Dũng	Bộ môn Hóa	A+
112	0103-11	Võ Thị Hạnh	Bộ môn Hóa	B+

113	0103-25	Nguyễn Viết Hùng	Bộ môn Hóa	A+
114	0103-26	Nguyễn Thị Kim Thoa	Bộ môn Hóa	B+
115	0106-08	Cao Xuân Hiển	Bộ môn Ngoại ngữ	A
116	0405-19	Vũ Thái Linh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
117	0106-07	Nguyễn Mộng Lân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
118	0106-09	Trần Đình Thước	Bộ môn Ngoại ngữ	A
119	0106-11	Nguyễn Thị Thu Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A
120	0106-15	Trương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
121	0106-23	Đặng Thanh Mai	Bộ môn Ngoại ngữ	A
122	0106-13	Nguyễn Hồng Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
123	0106-12	Lê Thị Thúy Hà	Bộ môn Ngoại ngữ	A
124	0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt ánh	Bộ môn Ngoại ngữ	A
125	0106-14	Dương Thúy Hường	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
126	0106-16	Nguyễn Thị Thảo	Bộ môn Ngoại ngữ	A
127	0106-22	Vũ Thanh Tâm	Bộ môn Ngoại ngữ	A
128	0106-19	Nguyễn ánh Hoa	Bộ môn Ngoại ngữ	A
129	0106-20	Trịnh Thị Vân	Bộ môn Ngoại ngữ	A
130	0106-24	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Bộ môn Ngoại ngữ	B+
131	0106-21	Nguyễn Thị Cúc	Bộ môn Ngoại ngữ	A+
132	0101-04	Nguyễn Văn Ngọc	Bộ môn Toán	A
133	0101-09	Nguyễn Thị Hằng	Bộ môn Toán	A+
134	0101-10	Đào Xuân Hưng	Bộ môn Toán	B+
135	0101-12	Nguyễn Thị Lan Hương	Bộ môn Toán	A+
136	0101-17	Phạm Tuấn Cường	Bộ môn Toán	A+
137	0101-11	Nguyễn Trường Thanh	Bộ môn Toán	A+
138	0101-18	Phạm Ngọc Anh	Bộ môn Toán	A
139	0101-21	Nguyễn Thị Kim Sơn	Bộ môn Toán	A
140	0101-25	Hoàng Ngự Huấn	Bộ môn Toán	A+
141	0101-24	Lê Bích Phượng	Bộ môn Toán	A+
142		Hà Hữu Cao Trình	Bộ môn Toán	C
143	0101-22	Nguyễn Thế Lâm	Bộ môn Toán	A
144	0101-19	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Toán	A
145	0101-20	Lê Thị Hương Giang	Bộ môn Toán	A
146	0101-23	Nguyễn Thị Hiền	Bộ môn Toán	A
147	0101-26	Nguyễn Thùy Linh	Bộ môn Toán	A+
148	0102-04	Vũ Bá Dũng	Bộ môn Vật lý	A
149	0102-01	Hồ Quỳnh Anh	Bộ môn Vật lý	B+
150	0102-10	Dư Thị Xuân Thảo	Bộ môn Vật lý	A
151	0102-11	Nguyễn Thị Diệu Thu	Bộ môn Vật lý	A
152	0102-13	Lê Đắc Tuyên	Bộ môn Vật lý	A+

153	0102-07	Nguyễn Mạnh Hùng	Bộ môn Vật lý	A+
154	0102-15	Tống Bá Tuấn	Bộ môn Vật lý	A
155	0102-06	Đỗ Thị Hồng Hải	Bộ môn Vật lý	A
156	0102-16	Đào Việt Thắng	Bộ môn Vật lý	A+
157	0102-03	Nguyễn Xuân Chung	Bộ môn Vật lý	B+
158	0102-14	Trần Thị Hà	Bộ môn Vật lý	A+
159	0102-17	Nguyễn Thị Hậu	Bộ môn Vật lý	A+
160	0401-06	Trần Thanh Hải	Bộ môn Địa chất	A+
161	0401-09	Nguyễn Quốc Hưng	Bộ môn Địa chất	A
162	0401-13	Ngô Xuân Thành	Bộ môn Địa chất	A+
163	0401-02	Ngô Thị KIm Chi	Bộ môn Địa chất	A
164	0401-21	Nguyễn Hữu Hiệp	Bộ môn Địa chất	A+
165	0401-18	Hoàng Đình Quế	Bộ môn Địa chất	B
166	0401-26	Bùi Vinh Hậu	Bộ môn Địa chất	B+
167	0401-24	Phan Văn Bình	Bộ môn Địa chất	B+
168	0405-05	Tô Xuân Vu	Bộ môn Địa chất công trình	A
169	0405-03	Lê Trọng Thắng	Bộ môn Địa chất công trình	A
170	0405-09	Phạm Minh Tuấn	Bộ môn Địa chất công trình	B+
171	0405-10	Bùi Trường Sơn	Bộ môn Địa chất công trình	A+
172	0405-11	Nguyễn Văn Phóng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
173	0405-12	Nguyễn Thị Nụ	Bộ môn Địa chất công trình	A+
174	0405-14	Nhữ Việt Hà	Bộ môn Địa chất công trình	A+
175	0405-22	Nguyễn Thành Dương	Bộ môn Địa chất công trình	A+
176	0405-24	Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Địa chất công trình	A+
177	0406-03	Nguyễn Văn Lâm	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
178	0406-06	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
179	0406-07	Dương Thị Thanh Thủy	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
180	0406-09	Vũ Thu Hiền	Bộ môn Địa chất Thủy văn	B+
181	0406-10	Nguyễn Bách Thảo	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A+
182	0406-11	Trần Vũ Long	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
183	0406-15	Đào Đức Bằng	Bộ môn Địa chất Thủy văn	A
184	0403-04	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
185	0403-06	Nguyễn Khắc Giảng	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
186	0403-01	Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
187		Phạm Trường Sinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
188	0403-16	Đặng Thị Vinh	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
189	0403-03	Tô Xuân Bản	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A+
190	0403-12	Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	B+
191	0403-17	Lê Thị Ngọc Tú	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	A
192	0402-03	Nguyễn Tiến Dũng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+

193	0402-04	Lương Quang Khang	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
194	0404-05	Lê Thị Thu	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
195	0407-04	Tạ Thị Toán	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
196	0402-06	Bùi Hoàng Bắc	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
197	0402-07	Phan Viết Sơn	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
198	0402-08	Khương Thế Hùng	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
199	0407-03	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A+
200	0404-07	Hoàng Thị Thoa	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
201	0407-08	Phạm Thị Thanh Hiền	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
202	0402-11	Đỗ Mạnh An	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
203	0407-10	Nguyễn Khắc Du	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	B+
204	0402-15	Bùi Thanh Tịnh	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	A
205	3001-01	Phạm Quốc Đảm	Khoa Giáo dục QP	A+
206	3001-03	Nguyễn Văn Quảng	Khoa Giáo dục QP	A
207	3001-05	Trần Bắc Bộ	Khoa Giáo dục QP	A+
208	3001-06	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục QP	A+
209	3002-03	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục QP	A+
210	3002-04	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục QP	A+
211	3002-05	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục QP	A+
212	3002-06	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục QP	A
213	3002-09	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục QP	B+
214	0303-35	Nguyễn Xuân Mãn	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
215	0303-08	Nguyễn Văn Mạnh	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
216	0303-26	Bùi Văn Đức	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
217	1002-02	Tăng Văn Lâm	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
218	0303-15	Phạm Thị Nhàn	Bộ môn Kỹ thuật Xây dựng	A+
219	0303-01	Võ Trọng Hùng	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
220	0303-05	Ngô Doãn Hào	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
221	0303-07	Đỗ Ngọc Anh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
222	0303-09	Đặng Trung Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
223	0303-17	Nguyễn Duyên Phong	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
224	0303-10	Đặng Văn Kiên	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
225	0303-12	Đào Viết Đoàn	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
226	0303-11	Trần Tuấn MInh	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
227	0303-20	Nguyễn Chí Thành	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A
228	0303-19	Đỗ Ngọc Thái	Bộ môn Xây dựng CTN&M	A+
229	0405-04	Tạ Đức Thịnh	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
230	0303-25	Hoàng Đình Phúc	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A
231	1003-04	Phạm Văn Hùng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
232	0303-21	Vũ Minh Ngạn	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+

233	1003-02	Nguyễn Trọng Dũng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
234	0303-24	Phạm Đức Thọ	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
235		Đặng Quang Huy	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	KĐG
236	1003-05	Bùi Anh Thắng	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng Cơ sở	A+
237	0507-04	Đỗ Thị Phương Thảo	Bộ môn Bản đồ	A+
238	0507-06	Bùi Ngọc Quý	Bộ môn Bản đồ	A+
239	0507-05	Trần Quỳnh An	Bộ môn Bản đồ	A
240	0507-11	Phạm Văn Hiệp	Bộ môn Bản đồ	A
241	0507-07	Dương Anh Quân	Bộ môn Bản đồ	A
242	0507-08	Trần Thị Tuyết Vinh	Bộ môn Bản đồ	B+
243	0507-12	Nguyễn Văn Lợi	Bộ môn Bản đồ	B
244	0506-03	Trần Thùy Dương	Bộ môn Địa chính	A+
245	0506-04	Nguyễn Thị Dung	Bộ môn Địa chính	A
246	0506-05	Trần Đình Thành	Bộ môn Địa chính	B+
247	0506-09	Phạm Thị Kim Thoa	Bộ môn Địa chính	A
248	0506-06	Nguyễn Thị Kim Yến	Bộ môn Địa chính	A
249	0506-07	Nguyễn Thế Công	Bộ môn Địa chính	A
250	0506-08	Phạm Thế Huynh	Bộ môn Địa chính	A
251	0506-12	Đinh Hải Nam	Bộ môn Địa chính	B+
252	0506-10	Đặng Thị Hoàng Nga	Bộ môn Địa chính	B+
253	0506-13	Trần Xuân Miễn	Bộ môn Địa chính	A
254	0506-14	Phùng Minh Sơn	Bộ môn Địa chính	B+
255	0503-02	Trần Đình Trí	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
256	0503-04	Trần Vân Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
257	0503-13	Trần Xuân Trường	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
258	0503-15	Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
259	0503-05	Trần Trung Anh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
260	0503-10	Trần Thanh Hà	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A+
261	0503-07	Trần Hồng Hạnh	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
262	0503-17	Lê Thanh Nghị	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
263	0503-19	Phạm Thị Thanh Hòa	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	A
264	0502-08	Dương Vân Phong	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
265	0502-09	Nguyễn Văn Sáng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A+
266	0502-14	Nguyễn Gia Trọng	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	A
267	0502-11	Lê Thị Thanh Tâm	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
268	0502-17	Phạm Ngọc Quang	Bộ môn Trắc địa Cao cấp	B+
269	0501-01	Trần Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
270	0501-03	Nguyễn Quang Phúc	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
271	0501-02	Nguyễn Quang Thắng	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
272	0501-04	Trần Viết Tuấn	Bộ môn Trắc địa Công trình	A

273	0501-07	Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
274	0501-08	Đinh Thị Lệ Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	B+
275	0501-10	Lê Đức Tình	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
276	0501-09	Phạm Quốc Khánh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A+
277	0501-11	Nguyễn Hà	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
278	0501-14	Nguyễn Thị Kim Thanh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
279	0501-15	Trần Thùy Linh	Bộ môn Trắc địa Công trình	A
280	0505-03	Vương Trọng Kha	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
281	0505-04	Phạm Công Khải	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
282	0505-05	Lê Thị Thu Hà	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
283	0505-08	Võ Ngọc Dũng	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
284	0505-07	Nguyễn Quốc Long	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
285	0505-10	Phạm Văn Chung	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
286	0505-06	Nguyễn Viết Nghĩa	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
287	0505-09	Phạm Thị Làn	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
288	0505-30	Cao Xuân Cường	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A
289	0505-11	Lê Văn Cảnh	Bộ môn Trắc địa Mỏ	A+
290	0504-02	Đinh Công Hòa	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
291	0504-01	Hoàng Ngọc Hà	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
292	0504-03	Nguyễn Quang Minh	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
293	0504-09	Hoàng Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B
294	0504-06	Hoàng Thị Thủy	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
295	0504-10	Lưu Anh Tuấn	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
296	0504-07	Dương Thành Trung	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	A
297	0504-08	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
298	0504-14	Lê Ngọc Giang	Bộ môn Trắc địa Phổ thông	B+
299	0302-05	Trần Văn Thanh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
300	0302-09	Nguyễn Cao Khải	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
301	0302-10	Đỗ Anh Sơn	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
302	0302-11	Vũ Trung Tiến	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
303	0302-17	Bùi Mạnh Tùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
304	0302-12	Phạm Đức Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
305	0302-13	Đào Văn Chi	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
306	0302-14	Nguyễn Phi Hùng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
307	0302-18	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
308	0302-15	Đặng Quang Hưng	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
309	0302-19	Nguyễn Hồng Cường	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
310	0302-16	Lê Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+
311	0302-24	Vũ Thái Tiến Dũng	Bộ môn Khai thác hầm lò	A
312	0302-21	Nguyễn Văn Quang	Bộ môn Khai thác hầm lò	A+

313	0302-23	Đặng Phương Thảo	Bộ môn Khai thác hầm lò	B+
314	0301-06	Lê Thị Thu Hoa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
315	0301-04	Bùi Xuân Nam	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
316	0301-09	Nguyễn Đình An	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
317	0301-07	Phạm Văn Hòa	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
318	0301-10	Vũ Đình Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
319	0301-11	Nguyễn Anh Tuấn	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
320	0301-14	Trần Quang Hiếu	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
321	0301-15	Lê Quí Thảo	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
322	0301-16	Phạm Văn Việt	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A
323	0301-17	Trần Đình Bão	Bộ môn Khai thác lộ thiên	B+
324	0301-20	Nguyễn Hoàng	Bộ môn Khai thác lộ thiên	A+
325	0305-04	Nguyễn Viết Thắng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
326	0305-05	Nguyễn Như Hùng	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
327	0305-07	Đỗ Ngọc Tú	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
328	0305-11	Đinh Thị Thu Hà	Bộ môn Sức bền vật liệu	A
329	0305-10	Trần Mạnh Tiến	Bộ môn Sức bền vật liệu	A+
330	0304-05	Nguyễn Ngọc Phú	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
331	0304-04	Nguyễn Hoàng Sơn	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
332	0304-06	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
333	0304-07	Phạm Văn Luận	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
334	0304-08	Vũ Thị Chinh	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
335	0304-09	Trần Trung Tới	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
336	0304-15	Trần Văn Được	Bộ môn Tuyển khoáng	A+
337	0304-14	Phạm Thị Nhung	Bộ môn Tuyển khoáng	A
338	0304-13	Phùng Tiến Thuật	Bộ môn Tuyển khoáng	B+
339	0203-05	Lê Quốc Hiệp	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
340	0203-03	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
341	0203-02	Đặng Thị Thanh Trâm	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
342	0201-08	Phí Mạnh Phong	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
343	0203-04	Nguyễn Thị Thúy Hà	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
344	0203-06	Nguyễn Tuấn Vương	Bộ môn Kinh tế chính trị và Lịch sử đ	A+
345	0204-01	Dương Thị Tuyết Nhung	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
346	0201-10	Nguyễn Thi Phương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
347	0201-09	Trần Thị Lan Hương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
348	0201-12	Bùi Thị Thùy Dương	Bộ môn Triết học và Pháp luật	B+
349	0201-13	Ngô Văn Hưởng	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A+
350	0201-14	Đào Thị Tuyết	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
351	0201-15	Nguyễn Lê Hà Giang	Bộ môn Triết học và Pháp luật	A
352	0202-04	Nguyễn Thị Kim Dung	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+

353	0202-03	Trần Thị Phúc An	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
354	0202-05	Đỗ Thị Vân Hà	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
355	0202-06	Lê Thị Yến	Bộ môn Tư tưởng HCM&CNXHKH	A+
356	0602-05	Nguyễn Thị Minh Hồng	Bộ môn Địa chất dầu	B+
357	0602-06	Phạm Văn Tuấn	Bộ môn Địa chất dầu	A+
358	0602-08	Lê Ngọc ánh	Bộ môn Địa chất dầu	A
359	0602-10	Nguyễn Duy Mười	Bộ môn Địa chất dầu	B+
360	0602-13	Nguyễn Minh Hòa	Bộ môn Địa chất dầu	A
361	0602-12	Bùi Thị Ngân	Bộ môn Địa chất dầu	A
362	0601-09	Phan Thiên Hương	Bộ môn Địa vật lý	A+
363	0601-07	Kiều Duy Thông	Bộ môn Địa vật lý	A+
364	0601-08	Trần Danh Hùng	Bộ môn Địa vật lý	A+
365	0601-13	Dương Văn Hào	Bộ môn Địa vật lý	A+
366	0601-14	Vũ Hồng Dương	Bộ môn Địa vật lý	B+
367	0604-02	Trần Đình Kiên	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
368	0604-04	Vũ Thiết Thạch	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
369	0604-05	Nguyễn Thế Vinh	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
370	0604-13	Nguyễn Trần Tuân	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
371	0604-07	Lê Quang Duyến	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
372	0604-09	Doãn Thị Trâm	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
373	0604-12	Nguyễn Văn Thành	Bộ môn Khoan - Khai thác	A
374	0604-19	Nguyễn Tiến Hùng	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
375	0604-17	Trương Văn Từ	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
376	0604-16	Nguyễn Khắc Long	Bộ môn Khoan - Khai thác	A+
377	0603-12	Bùi Thị Lệ Thủy	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
378	0603-06	Tống Thị Thanh Hương	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
379	0603-09	Phạm Xuân Núi	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
380	0603-11	Công Ngọc Thắng	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
381	0603-08	Nguyễn Thị Linh	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
382	0603-13	Vũ Văn Toàn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
383	0603-05	Ngô Thanh Hải	Bộ môn Lọc hóa dầu	B+
384	0603-07	Phạm Trung Kiên	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
385	0603-14	Ngô Hà Sơn	Bộ môn Lọc hóa dầu	A+
386	0605-02	Nguyễn Văn Giáp	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
387	0605-03	Lê Đức Vinh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
388	0605-04	Nguyễn Văn Thịnh	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
389	0605-11	Hoàng Anh Dũng	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
390	0605-09	Triệu Hùng Trường	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+
391	0605-07	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	B+
392	0605-08	Nguyễn Thanh Tuấn	Bộ môn Thiết bị dầu khí và CT	A+

393	0901-02	Nguyễn Hanh Tiến	Bộ môn Điện khí hóa	A
394	0901-04	Lê Xuân Thành	Bộ môn Điện khí hóa	A+
395	0901-09	Ngô Thanh Tuấn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
396	0901-05	Phạm Trung Sơn	Bộ môn Điện khí hóa	A+
397	0901-10	Hồ Việt Bun	Bộ môn Điện khí hóa	A+
398	0901-08	Đỗ Như ý	Bộ môn Điện khí hóa	A+
399	0901-11	Nguyễn Thị Bích Hậu	Bộ môn Điện khí hóa	A
400	0904-19	Đoàn Kim Bình	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
401	0904-06	Nguyễn Văn Tuệ	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
402	0904-03	Nguyễn Văn Lại	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
403	0904-07	Phạm Đức Thiên	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
404	0904-05	Phạm Thị Thủy	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
405	0904-12	Bùi Minh Hoàng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A
406	0904-14	Nguyễn Thanh Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
407	0904-17	Trần Đức Huân	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
408	0305-02	Phạm Tuấn Long	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	B+
409	0904-18	Nguyễn Sơn Tùng	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	A+
410	0903-06	Kim Ngọc Linh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
411	0903-07	Đinh Văn Thắng	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
412	0903-08	Cung Quang Khang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
413	0903-09	Nguyễn Thạc Khánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
414	0903-10	Nguyễn Trường Giang	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
415	0903-13	Kim Thị Cẩm ánh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
416	0903-15	Hà Thị Chúc	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
417	0903-18	Nguyễn Tiến Sỹ	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A+
418	0903-17	Tống Ngọc Anh	Bộ môn Kỹ thuật Điện - Điện tử	A
419	0905-02	Đoàn Văn Giáp	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
420	0905-08	Phạm Văn Tiến	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	A
421	0905-03	Nguyễn Đăng Tấn	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
422	0904-09	Nguyễn Văn Xô	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
423	0905-15	Nguyễn Thế Hoàng	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A
424	0905-14	Trần Viết Linh	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	A+
425	0902-03	Phan Minh Tạo	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
426	0902-04	Nguyễn Chí Tình	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
427	0902-07	Đặng Văn Chí	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
428	0902-05	Nguyễn Đức Khoát	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
429	0902-08	Khổng Cao Phong	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
430	0902-09	Phạm Minh Hải	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
431	0902-15	Thái Hải Âu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	B+
432	0902-11	Phạm Thị Thanh Loan	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+

433		Nguyễn Thanh Lịch	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	C
434	0902-12	Uông Quang Tuyến	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A
435	0902-14	Đào Hiếu	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
436	0902-19	Nguyễn Thế Lực	Bộ môn Tự động hóa XN Mỏ &DK	A+
437	0801-01	Lê Văn Hưng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
438	0801-04	Phạm Văn Đồng	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
439	0801-02	Nguyễn Thế Lộc	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
440	0801-14	Hồ Thị Thảo Trang	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
441	0801-06	Hoàng Anh Đức	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
442	0801-10	Nguyễn Thị Hữu Phương	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A+
443	0801-13	Nguyễn Thị Thanh	Bộ môn Công nghệ phần mềm	A
444	0804-04	Phạm Đức Hậu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
445	0802-02	Đặng Hữu Nghị	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
446	0802-13	Bùi Thị Vân Anh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
447	0802-03	Dương Chí Thiện	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	B+
448	0802-04	Tạ Quang Chiểu	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
449	0802-10	Vương Thị Như Quỳnh	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A
450	0802-07	Đào Thị Thu Vân	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
451	0802-09	Vũ Lan Phương	Bộ môn Hệ thống thông tin và TT	A+
452	0805-04	Nông Thị Oanh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
453	0805-03	Nguyễn Thùy Dương	Bộ môn Khoa học máy tính	A
454	0805-05	Nguyễn Duy Huy	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
455	0805-06	Nguyễn Thị Phương Bắc	Bộ môn Khoa học máy tính	A
456	0805-07	Lê Hồng Anh	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
457	0805-08	Đặng Văn Nam	Bộ môn Khoa học máy tính	A+
458	0802-05	Đỗ Như Hải	Bộ môn Mạng máy tính	A
459	0801-07	Đào Anh Thư	Bộ môn Mạng máy tính	A+
460	0801-15	Phạm Đình Tân	Bộ môn Mạng máy tính	A+
461	0802-11	Trần Thị Thu Thúy	Bộ môn Mạng máy tính	A+
462	0801-09	Diêm Công Hoàng	Bộ môn Mạng máy tính	A+
463	0802-14	Đặng Quốc Trung	Bộ môn Mạng máy tính	A
464	0804-01	Trương Xuân Luận	Bộ môn Tin học Địa chất	A
465	0804-11	Phạm An Cương	Bộ môn Tin học Địa chất	A
466	0804-05	Dương Thị Tâm	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
467	0804-07	Ngô Hùng Long	Bộ môn Tin học Địa chất	B+
468	0804-08	Nguyễn Thị Hải Yến	Bộ môn Tin học Địa chất	A
469	0804-12	Trương Xuân Bình	Bộ môn Tin học Địa chất	A
470	0806-01	Lê Thanh Huệ	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
471	0806-02	Dương Thị Hiền Thanh	Bộ môn Tin học Kinh tế	A+
472	0806-06	Võ Thị Thu Trang	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+

473	0806-05	Phạm Thị Nguyệt	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
474	0806-03	Nguyễn Thu Hằng	Bộ môn Tin học Kinh tế	B+
475	0806-07	Nguyễn Thế Bình	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
476	0806-08	Phạm Quang hiển	Bộ môn Tin học Kinh tế	A
477	0803-01	Nguyễn Trường Xuân	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
478	0803-02	Trần Trung Chuyên	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
479	0803-03	Nguyễn Quang Khánh	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
480	0803-08	Ngô Thị Phương Thảo	Bộ môn Tin học Trắc địa	A
481	0803-05	Nguyễn Thị Mai Dung	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
482	0803-07	Trần Mai Hương	Bộ môn Tin học Trắc địa	B+
483	0803-11	Nguyễn Hoàng Long	Bộ môn Tin học Trắc địa	A+
484	0803-14	Đinh Bảo Ngọc	Bộ môn Tin học Trắc địa	A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 966 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 15/10/2021 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2020 - 2021 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG VIÊN CHỨC
VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ NĂM HỌC 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 966 /QĐ-MĐC ngày 2 tháng 11 năm 2021)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
5	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
6	Nguyễn Văn Tuệ	Khoa Cơ - Điện			x		
7	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
8	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
9	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
10	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
13	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
18	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
19	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện			x		
20	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
21	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện			x		
23	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
24	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
25	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện			x		
27	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
28	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
34	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
35	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
36	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện		x			
37	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
38	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện		x			
39	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện	x				
40	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
41	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Cơ - Điện	x				
42	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin	x				
43	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
44	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
46	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
47	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
48	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
49	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
51	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
52	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
53	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
54	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
55	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
56	Trần Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
59	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
60	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
61	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin		x			
62	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin		x			
63	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
64	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
66	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin		x			
70	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
71	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
72	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
74	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
76	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin			x		
79	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin		x			
80	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
81	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin		x			
82	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
83	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
84	Võ Thị Thu Trang	Khoa Công nghệ thông tin					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
85	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
86	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
87	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
88	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
89	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí			x		
90	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí			x		
91	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí			x		
92	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí			x		
93	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí	x				
94	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí		x			
95	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				
96	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
97	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí		x			
98	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí	x				
99	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
100	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
101	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí	x				
102	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
103	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
104	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
105	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí		x			
106	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí	x				
107	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
108	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
109	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
110	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
111	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
112	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí		x			
113	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí			x		
114	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
115	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
116	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
117	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí					x
118	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí			x		
119	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí			x		
120	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
121	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
122	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí			x		
123	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
124	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
125	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí			x		
126	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
127	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
128	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
129	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
130	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
131	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
132	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa KH và KTĐC			x		
133	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH và KTĐC	x				
134	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH và KTĐC	x				
135	Hoàng Đình Quế	Khoa KH và KTĐC			x		
136	Phan Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
137	Nhữ Việt Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
138	Phạm Thị Việt Nga	Khoa KH và KTĐC			x		
139	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
140	Nguyễn Văn Hùng	Khoa KH và KTĐC		x			
141	Nguyễn Văn Lâm	Khoa KH và KTĐC	x				
142	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa KH và KTĐC			x		
143	Vũ Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC			x		
144	Trần Vũ Long	Khoa KH và KTĐC			x		
145	Đào Đức Bằng	Khoa KH và KTĐC			x		
146	Lê Tiến Dũng	Khoa KH và KTĐC					x
147	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa KH và KTĐC			x		
148	Đặng Thị Vinh	Khoa KH và KTĐC		x			
149	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa KH và KTĐC			x		
150	Phạm Trường Sinh	Khoa KH và KTĐC			x		
151	Nguyễn Trung Thành	Khoa KH và KTĐC			x		
152	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa KH và KTĐC		x			
153	Phan Viết Sơn	Khoa KH và KTĐC	x				
154	Khương Thế Hùng	Khoa KH và KTĐC	x				
155	Đỗ Mạnh An	Khoa KH và KTĐC	x				
156	Bùi Thanh Tịnh	Khoa KH và KTĐC	x				
157	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa KH và KTĐC	x				
158	Tạ Thị Toán	Khoa KH và KTĐC		x			
159	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa KH và KTĐC		x			
160	Lê Thị Thu	Khoa KH và KTĐC		x			
161	Hoàng Thị Thoa	Khoa KH và KTĐC	x				
162	Nguyễn Khắc Du	Khoa KH và KTĐC	x				
163	Ngô Xuân Đắc	Khoa KH và KTĐC			x		
164	Kiều Thị Vân Anh	Khoa KH và KTĐC			x		
165	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH và KTĐC	x				
166	Phùng Hữu Hải	Khoa KH và KTĐC			x		
167	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa KH và KTĐC	x				
168	Vũ Thị Hiền	Khoa KH và KTĐC			x		
169	Hà Thành Như	Khoa KH và KTĐC			x		
170	Hồ Thanh Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
171	Phan Thị Thùy Dương	Khoa KH và KTĐC	x				
172	Vũ Anh Thư	Khoa KH và KTĐC					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
173	Đào Văn Nghiêm	Khoa KH và KTĐC					x
174	Nguyễn Trường Tài	Khoa KH và KTĐC					x
175	Vũ Anh Đạo	Khoa KH và KTĐC		x			
176	Bùi Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
177	Dương Văn Bình	Khoa KH và KTĐC			x		
178	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa KH và KTĐC			x		
179	Vũ Văn Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
180	Trần Quang Tuấn	Khoa KH và KTĐC			x		
181	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa KH và KTĐC			x		
182	Lê Xuân Trường	Khoa KH và KTĐC					x
183	Phạm Như Sang	Khoa KH và KTĐC					x
184	Nguyễn Duy Hưng	Khoa KH và KTĐC					x
185	Nguyễn Đình Luyện	Khoa KH và KTĐC					x
186	Nguyễn Xuân Phú	Khoa KH và KTĐC					x
187	Phạm Minh Tuấn	Khoa KH và KTĐC					x
188	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
189	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
190	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
191	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
192	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
193	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
194	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
195	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
196	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
197	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
198	Trần Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản					x
199	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
200	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
201	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
202	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
203	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
204	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
205	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
206	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
207	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
208	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
209	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
210	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
211	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
212	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
213	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
214	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản			x		
215	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
216	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
217	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản		x			
218	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
219	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
220	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
221	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
222	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
223	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
224	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
225	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
226	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
227	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
228	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
229	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
230	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
231	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
232	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
233	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
234	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
235	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
236	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản	x				
237	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
238	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
239	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
240	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
241	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
242	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
243	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
244	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản		x			
245	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
246	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Phan Thị Thái	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
250	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
251	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
252	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
255	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
256	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
257	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
261	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Vũ Thị Hiền	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
268	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
269	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
270	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
271	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
272	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
273	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
274	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
275	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
276	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
277	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
278	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
279	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
280	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
281	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
282	Trần Trung Nguyên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
283	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
284	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
285	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
286	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
287	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
288	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
289	Nguyễn Lê Hà Giang	Khoa Lý luận chính trị					x
290	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
291	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
292	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
293	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
294	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
295	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
296	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
297	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			
298	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
299	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ	x				
300	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
302	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
303	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ			x		
304	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
305	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ			x		
306	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
307	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				
308	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ	x				
309	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ	x				
310	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
311	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
312	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
313	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ		x			
314	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
315	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
316	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
317	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ			x		
318	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ	x				
319	Nguyễn Ngọc Phú	Khoa Mỏ			x		
320	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
321	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
322	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
323	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
324	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
325	Lê Thị Hải	Khoa Mỏ			x		
326	Nhữ Văn Phúc	Khoa Mỏ			x		
327	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
328	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
329	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ		x			
330	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ			x		
331	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
332	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
333	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
334	Đặng Quang Hưng	Khoa Mỏ					x
335	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
336	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường		x			
337	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
338	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
339	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường	x				
340	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
341	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường	x				
342	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường		x			
343	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường		x			
344	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường			x		
345	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
346	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
347	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường		x			
348	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
349	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
350	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
351	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường	x				
352	Nguyễn Phương	Khoa Môi trường	x				
353	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường	x				
354	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
355	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường	x				
356	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
357	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
358	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường			x		
359	Hoàng Thu Trang	Khoa Môi trường	x				
360	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường			x		
361	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
362	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
363	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
364	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
365	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
366	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
367	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
368	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
369	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
370	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
371	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
372	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
373	Trần Khánh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
374	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
375	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
376	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
377	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
378	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
379	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
380	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
381	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
382	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
383	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
384	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
385	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
386	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
387	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
388	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
389	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
390	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
391	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
392	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
393	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
394	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
395	Đinh Công Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
396	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
397	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
398	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
399	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
400	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
401	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
402	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
403	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
404	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
405	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
406	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
407	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
408	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
409	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
410	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
411	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
412	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
413	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
414	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
415	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
416	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
417	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
418	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
419	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
420	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
421	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
422	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
423	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
424	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng	x				
425	Trần Tuấn Minh	Khoa Xây dựng	x				
426	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
427	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
428	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
429	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
430	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng		x			
431	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng		x			
432	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
433	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng		x			
434	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng			x		
435	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng			x		
436	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
437	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng		x			
438	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
439	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
440	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
441	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
442	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng			x		
443	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
444	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng			x		
445	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
446	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
447	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
448	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
449	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
450	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
451	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
452	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án		x			
453	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
454	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
455	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
456	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
457	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
458	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
459	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
460	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
461	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
462	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
463	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
464	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
465	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
466	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
467	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
468	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
469	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
470	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
471	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
472	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
473	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên	x				
474	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên		x			
475	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục		x			
476	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	x				
477	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	x				
478	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học		x			
479	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học	x				
480	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
481	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
482	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
483	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học		x			
484	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
485	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	x				
486	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
487	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học		x			
488	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
489	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
490	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
491	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đào tạo sau đại học	x				
492	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo sau đại học		x			
493	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
494	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
495	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
496	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
497	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
498	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
499	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
500	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
501	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
502	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
503	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
504	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
505	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
506	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
507	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
508	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
509	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
510	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
511	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
512	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
513	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
514	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
515	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
516	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
517	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế	x				
518	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
519	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
520	Đỗ Bảo Anh Phương	Phòng Hợp tác Quốc tế			x		
521	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
522	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
523	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
524	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
525	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
526	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
527	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
528	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính			x		
529	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
530	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
531	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
532	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
533	Lê Chí Phúc	Phòng QHCC & DN		x			
534	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC & DN	x				
535	Đoàn Thị Luyên	Phòng QHCC & DN	x				
536	Nguyễn Thị Biên	Phòng QHCC & DN		x			
537	Nguyễn Thế Anh	Phòng QHCC & DN			x		
538	Đặng Lê Văn	Phòng QHCC & DN	x				
539	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
540	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
541	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
542	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
543	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
544	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản		x			
545	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
546	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế	x				
547	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế		x			
548	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
549	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
550	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
551	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
552	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
553	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
554	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
555	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
556	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
557	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
558	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			
559	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
560	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
561	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
562	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
563	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
564	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
565	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ		x			
566	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
567	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x			
568	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức đánh giá xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
569	Trần Thị Thu Hiền	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học					x
570	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN công nghệ cao	x				
571	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
572	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
573	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
574	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
575	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
576	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
577	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
578	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
579	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
580	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
581	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
582	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
583	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
584	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
585	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
586	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
587	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến		x			
588	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
589	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
590	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
591	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			
592	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
593	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
Tổng			**267**	**149**	**127**	**1**	**49**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1426 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với đơn vị và công chức, viên chức, người lao động của BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 01/11/2022 của Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2021 - 2022 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐT, ĐUT (để báo cáo);
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VIÊN CHỨC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ QUẢN LÝ NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số:1426/QĐ-MĐC ngày *21* tháng*11* năm 2022)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
4	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
5	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện			x		
6	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện			x		
7	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
8	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện		x			
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
11	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện		x			
12	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện		x			
14	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện			x		
16	Đoàn Văn Giáp	Khoa Cơ - Điện	x				
17	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
19	Kiều Đức Thịnh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
21	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện		x			
22	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
23	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện		x			
24	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
25	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	x				
26	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện		x			
27	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
33	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
34	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
35	Vũ Đỗ Dũng	Khoa Cơ - Điện					x
36	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện					x
37	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
38	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện					x
39	Nguyễn ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
40	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
41	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
42	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
43	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
46	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin		x			
47	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
48	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
52	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
53	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
54	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
55	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
57	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
65	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin			x		
66	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
67	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
69	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin	x				
71	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
73	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin			x		
76	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
78	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin					x
84	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
85	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
86	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí		x			
87	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí		x			
88	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí				x	
89	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí		x			
90	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí			x		
91	Dương Văn Hào	Khoa Dầu khí	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
92	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí	x				
93	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí			x		
94	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí			x		
95	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí		x			
96	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí		x			
97	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí	x				
98	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí	x				
99	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí			x		
100	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí	x				
101	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí	x				
102	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí	x				
103	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí	x				
104	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí		x			
105	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí	x				
106	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí	x				
107	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí	x				
108	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí	x				
109	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí	x				
110	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí		x			
111	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí		x			
112	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí					x
113	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí			x		
114	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí					x
115	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí					x
116	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí					x
117	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí					x
118	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí					x
119	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí					x
120	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí					x
121	Dương Viết Cường	Khoa Dầu khí					x
122	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí					x
123	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí					x
124	Trần Văn Độ	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
125	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
126	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
127	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
128	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
129	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
130	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng					**x**
131	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản		x			
132	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
133	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
136	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
137	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản		x			
138	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản		x			
139	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
140	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản		x			
141	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
142	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản				x	
144	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
146	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
147	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản				x	
148	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
152	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
155	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản	x				
157	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
158	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản		x			
159	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
161	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản		x			
163	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản		x			
164	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
167	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
168	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản		x			
169	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
174	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
175	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
179	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Vũ Bá Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
182	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
183	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
184	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
185	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
186	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
187	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
188	Hà Thị Hiến	Khoa Khoa học cơ bản	x				
189	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản					x
190	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
191	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
192	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
193	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
194	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
195	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
196	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
198	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
199	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
200	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
201	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
202	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
203	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
206	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
207	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
208	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
209	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
210	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
212	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
213	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
214	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
218	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
219	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
220	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
222	Ngô Xuân Đắc	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
223	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
224	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
225	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
226	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC					x
227	Nguyễn Khắc Giảng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
233	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
234	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC					x
235	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
236	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
237	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
238	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
239	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC					x
240	Nguyễn Hữu Mạnh	Khoa Khoa học và KTĐC					x
241	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
242	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
243	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
244	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
250	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
251	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
252	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
256	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
257	Nguyễn Văn Bưởi	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
267	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
268	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
269	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
270	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
271	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
272	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
273	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
274	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
275	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
276	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
277	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
278	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
279	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
283	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
284	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị	x				
285	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
286	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị	x				
287	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
288	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
289	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
290	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
291	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
292	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
293	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
294	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ	x				
295	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ	x				
296	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
297	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ		x			
298	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ	x				
299	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
300	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
301	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ	x				
302	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
303	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
304	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
305	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
306	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
307	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
308	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ			x		
309	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
310	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ		x			
311	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
312	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
313	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
314	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
315	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ	x				
316	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
317	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ			x		
318	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ		x			
319	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ		x			
320	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ			x		
321	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
322	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
323	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ					x
324	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
325	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
326	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
327	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
328	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
329	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
330	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
331	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
332	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
333	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường		x			
334	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường	x				
335	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
336	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường	x				
337	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường	x				
338	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
339	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			
340	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường			x		
341	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
342	Đỗ Văn Nhuận	Khoa Môi trường		x			
343	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
344	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
345	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường		x			
346	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
347	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
348	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
349	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
350	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
351	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
352	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
353	Nguyễn Văn Lợi	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
354	Phạm Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
355	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
356	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
357	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
358	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
359	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
360	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
361	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
362	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
363	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
364	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
365	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
366	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
367	Trần Thùy Linh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
368	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
369	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
370	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
371	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
372	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
373	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
374	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
375	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
376	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
377	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
378	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
379	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
380	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
381	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
382	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
383	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
384	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
385	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
386	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
387	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
388	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
389	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
390	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
391	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
392	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
393	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ		x			
394	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
395	Nguyễn Thị Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
396	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
397	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	x				
398	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
399	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
400	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
401	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
402	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
403	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
404	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
405	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
406	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
407	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ			x		
408	Đinh Thị Lệ Hà	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ					x
409	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng	x				
410	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
411	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
412	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
413	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
414	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
415	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
416	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
417	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
418	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
419	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	x				
420	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
421	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng	x				
422	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
423	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
424	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	x				
425	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng	x				
426	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
427	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng		x			
428	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
429	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng			x		
430	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng					x
431	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
432	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
433	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
434	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
435	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
436	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
437	Nguyễn Tiến Dũng	Ban Quản lý các dự án	x				
438	Lại Thiên Nguyên	Ban Quản lý các dự án		x			
439	Nguyễn Ngọc Dương	Ban Quản lý các dự án	x				
440	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các dự án	x				
441	Nguyễn Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
442	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
443	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
444	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất			x		
445	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
446	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
447	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất	x				
448	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
449	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất		x			
450	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
451	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất	x				
452	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất		x			
453	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất			x		
454	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
455	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
456	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
457	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
458	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
459	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
460	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
461	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
462	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
463	Dương Mai Yến	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
464	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
465	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng GD	x				
466	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học	x				
467	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo đại học	x				
468	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học	x				
469	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo đại học		x			
470	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo đại học	x				
471	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo đại học	x				
472	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo đại học	x				
473	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo đại học	x				
474	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo đại học		x			
475	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo đại học	x				
476	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo đại học		x			
477	Hà Ngọc Kiên	Phòng đào tạo sau đại học	x				
478	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng đào tạo sau đại học		x			
479	Nguyễn Thị Vân	Phòng đào tạo sau đại học	x				
480	Phạm Ngọc Hà	Phòng đào tạo sau đại học	x				
481	Nguyễn Ngọc Sự	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
482	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
484	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
485	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
486	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
487	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
488	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
489	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
490	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
491	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
492	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
493	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
494	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
495	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
496	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
497	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
498	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
499	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
500	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
501	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
502	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
503	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
504	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
505	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
506	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
507	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
508	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
509	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
510	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
511	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
512	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
513	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
514	Hoàng Thu Hằng	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
515	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
516	Phạm Đức Nghiệp	Phòng Khoa học Công nghệ	x				
517	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học Công nghệ		x			
518	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC&DN		x			
519	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
520	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
521	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
522	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC&DN	x				
523	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức Cán bộ		x			
524	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
525	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức Cán bộ	x				
526	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản		x			
527	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản	x				
528	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản			x		
529	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ		x			
530	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm Dịch vụ		x			
531	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm Dịch vụ		x			
532	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ	x				
533	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ		x			
534	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm Dịch vụ		x			
535	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm Dịch vụ	x				
536	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ		x			
537	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm Dịch vụ		x			
538	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm Dịch vụ		x			
539	Phan Thanh Chương	Trung tâm Dịch vụ		x			
540	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ		x			

TT	Họ và tên	Đơn vị	Mức xếp loại chất lượng				
			A+	A	B	C	KĐG
541	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ		x			
542	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm Dịch vụ		x			
543	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm Dịch vụ		x			
544	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ	x				
545	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ	x				
546	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm Dịch vụ	x				
547	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học		x			
548	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
549	Ngô Huyền Giang	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học	x				
550	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT, TN CN cao	x				
551	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
552	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - TV	x				
553	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
554	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - TV	x				
555	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - TV	x				
556	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - TV	x				
557	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - TV	x				
558	Trần Văn Duy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
559	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - TV	x				
560	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - TV	x				
561	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - TV		x			
562	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - TV	x				
563	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm Thông tin - TV		x			
564	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - TV		x			
565	Ngô Thị Hương Liên	Trung tâm Thông tin - TV		x			
566	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế	x				
567	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế	x				
568	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế		x			
569	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
570	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến	x				
571	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
572	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
573	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
574	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
575	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	x				
576	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể		x			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1326 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 sửa đổi,;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân và tập thể của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 30/8/2023 của Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất năm học 2022 - 2023 và cuộc họp ngày 12/9/2023 của Thường trực Hội đồng đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động (không giữ chức vụ quản lý) năm học 2022 - 2023 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, TCCB(08).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁ NHÂN NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1326/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 9 năm 2023)

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
1	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ - Điện	x				
2	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	x				
3	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	x				
4	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	x				
5	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	x				
6	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	x				
7	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	x				
8	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	x				
9	Kim Ngọc Linh	Khoa Cơ - Điện	x				
10	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	x				
11	Đoàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	x				
12	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện	x				
13	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện	x				
14	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện		x			
15	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ - Điện		x			
16	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện		x			
17	Tống Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện		x			
18	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện		x			
19	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện		x			
20	Nguyễn Văn Lại	Khoa Cơ - Điện			x		
21	Cung Quang Khang	Khoa Cơ - Điện			x		
22	Phạm Văn Tiến	Khoa Cơ - Điện			x		
23	Hà Thị Chúc	Khoa Cơ - Điện			x		
24	Phạm Minh Hải	Khoa Cơ - Điện			x		
25	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện			x		
26	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện	x				
27	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ - Điện	x				
28	Nguyễn Thị Liên	Khoa Cơ - Điện	x				
29	Đào Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện	x				
30	Lê Thị Hồng Diệp	Khoa Cơ - Điện	x				
31	Chu Mạnh Cường	Khoa Cơ - Điện	x				
32	Đặng Viết Khuê	Khoa Cơ - Điện		x			
33	Đào Thị Hiền	Khoa Cơ - Điện			x		
34	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện					x
35	Trần Bá Trung	Khoa Cơ - Điện					x
36	Nguyễn Ánh Dương	Khoa Cơ - Điện					x
37	Đỗ Đức Thành	Khoa Cơ - Điện					x
38	Phạm Văn Đồng	Khoa Công nghệ thông tin	x				
39	Đặng Hữu Nghị	Khoa Công nghệ thông tin	x				
40	Hồ Thị Thảo Trang	Khoa Công nghệ thông tin			x		
41	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
42	Nguyễn Thị Thanh	Khoa Công nghệ thông tin			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
43	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ thông tin	x				
44	Đào Anh Thư	Khoa Công nghệ thông tin	x				
45	Đỗ Như Hải	Khoa Công nghệ thông tin		x			
46	Phạm Đình Tân	Khoa Công nghệ thông tin					x
47	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa Công nghệ thông tin		x			
48	Đặng Quốc Trung	Khoa Công nghệ thông tin	x				
49	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ thông tin	x				
50	Dương Thị Tâm	Khoa Công nghệ thông tin		x			
51	Ngô Hùng Long	Khoa Công nghệ thông tin			x		
52	Phạm An Cương	Khoa Công nghệ thông tin		x			
53	Trương Xuân Bình	Khoa Công nghệ thông tin			x		
54	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
55	Phạm Đức Hậu	Khoa Công nghệ thông tin		x			
56	Bùi Thị Vân Anh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
57	Dương Chí Thiện	Khoa Công nghệ thông tin	x				
58	Vũ Lan Phương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
59	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
60	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
61	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
62	Nguyễn Thùy Dương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
63	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ thông tin	x				
64	Phạm Quang Hiển	Khoa Công nghệ thông tin	x				
65	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ thông tin	x				
66	Nguyễn Thế Bình	Khoa Công nghệ thông tin	x				
67	Lê Thanh Huệ	Khoa Công nghệ thông tin		x			
68	Vũ Thị Kim Liên	Khoa Công nghệ thông tin		x			
69	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ thông tin	x				
70	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa Công nghệ thông tin			x		
71	Trần Mai Hương	Khoa Công nghệ thông tin	x				
72	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ thông tin					x
73	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ thông tin	x				
74	Trần Trường Giang	Khoa Công nghệ thông tin	x				
75	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ thông tin	x				
76	Nguyễn Thị Phấn	Khoa Công nghệ thông tin		x			
77	Đào Thị Hồng Thắm	Khoa Công nghệ thông tin	x				
78	Nguyễn Đức Quân	Khoa Công nghệ thông tin		x			
79	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ thông tin	x				
80	Bùi Thế Vinh	Khoa Công nghệ thông tin					x
81	Đoàn Khánh Hoàng	Khoa Công nghệ thông tin					x
82	Nguyễn Trường Linh	Khoa Công nghệ thông tin					x
83	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
84	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
85	Nguyễn Duy Mười	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
86	Nguyễn Thị Minh Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
87	Phan Thiên Hương	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
88	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
89	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
90	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
91	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
92	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
93	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
94	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
95	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
96	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
97	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
98	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
99	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
100	Ngô Thanh Hải	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
101	Vũ Văn Toàn	Khoa Dầu khí và Năng lượng			x		
102	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
103	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
104	Trần Ngọc Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
105	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng		x			
106	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
107	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa Dầu khí và Năng lượng	x				
108	Trương Thị Chinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
109	Phạm Ngọc Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
110	Trần Văn Hữu	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
111	Đỗ Thành Sỹ	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
112	Tống Trần Anh	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
113	Trần Hữu Kiên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
114	Đoàn Văn Huấn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
115	Hồ Văn Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
116	Đào Thị Uyên	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
117	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
118	Bùi Thanh Bình	Khoa Dầu khí và Năng lượng					x
119	Hoàng Xuân Trường	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
120	Nguyễn Văn Phong	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
121	Nghiêm Công Đĩnh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
122	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
123	Ngô Văn Dương	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
124	Lê Thị Định	Khoa Giáo dục quốc phòng		x			
125	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng	x				
126	Đinh Công Đạt	Khoa Khoa học cơ bản			x		
127	Trần Thị Trâm	Khoa Khoa học cơ bản		x			
128	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
129	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
130	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
131	Trần Lan Hương	Khoa Khoa học cơ bản	x				
132	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản	x				
133	Nguyễn Trường Đông	Khoa Khoa học cơ bản	x				
134	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
135	Vũ Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản			x		
136	Hoàng Văn Tài	Khoa Khoa học cơ bản			x		
137	Đỗ Việt Anh	Khoa Khoa học cơ bản		x			
138	Phạm Thị Mai Anh	Khoa Khoa học cơ bản			x		

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
139	Phạm Tiến Dũng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
140	Lê Thị Duyên	Khoa Khoa học cơ bản	x				
141	Nguyễn Mạnh Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
142	Nguyễn Thu Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
143	Đỗ Thị Hải	Khoa Khoa học cơ bản			x		
144	Võ Thị Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
145	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản		x			
146	Nguyễn Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản			x		
147	Vũ Duy Thịnh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
148	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
149	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản			x		
150	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
151	Trần Đình Thước	Khoa Khoa học cơ bản		x			
152	Nguyễn Thị Thu Phúc	Khoa Khoa học cơ bản			x		
153	Lê Thị Thúy Hà	Khoa Khoa học cơ bản			x		
154	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản			x		
155	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
156	Vũ Thanh Tâm	Khoa Khoa học cơ bản			x		
157	Nguyễn Ánh Hoa	Khoa Khoa học cơ bản			x		
158	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản			x		
159	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
160	Vũ Thái Linh	Khoa Khoa học cơ bản			x		
161	Trần Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học cơ bản	x				
162	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
163	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
164	Phạm Ngọc Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
165	Lê Bích Phượng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
166	Hoàng Ngự Huấn	Khoa Khoa học cơ bản	x				
167	Hà Hữu Cao Trình	Khoa Khoa học cơ bản			x		
168	Nguyễn Thế Lâm	Khoa Khoa học cơ bản	x				
169	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
170	Lê Thị Hương Giang	Khoa Khoa học cơ bản	x				
171	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
172	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản	x				
173	Nguyễn Xuân Chung	Khoa Khoa học cơ bản		x			
174	Trần Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
175	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản	x				
176	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản	x				
177	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản	x				
178	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa Khoa học cơ bản		x			
179	Tống Bá Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản		x			
180	Bùi Hữu Nguyên	Khoa Khoa học cơ bản			x		
181	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản	x				
182	Đỗ Bảo Anh Phương	Khoa Khoa học cơ bản		x			
183	Nguyễn Đạo Lý Nhân Phúc	Khoa Khoa học cơ bản		x			
184	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
185	Phan Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
186	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và KTĐC	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
187	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
188	Vũ Anh Đạo	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
189	Bùi Thị Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
190	Phạm Minh Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
191	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
192	Nhữ Việt Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
193	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
194	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
195	Nguyễn Văn Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
196	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
197	Phùng Hữu Hải	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
198	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
199	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
200	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
201	Trần Vũ Long	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
202	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
203	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
204	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
205	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
206	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
207	Phạm Trường Sinh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
208	Nguyễn Trung Thành	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
209	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
210	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
211	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
212	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
213	Đỗ Mạnh An	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
214	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
215	Tạ Thị Toán	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
216	Phạm Thị Thanh Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
217	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
218	Hoàng Thị Thoa	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
219	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và KTĐC	x				
220	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
221	Vũ Thị Hiền	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
222	Vũ Anh Thư	Khoa Khoa học và KTĐC					x
223	Đào Văn Nghiêm	Khoa Khoa học và KTĐC					x
224	Nguyễn Trường Tài	Khoa Khoa học và KTĐC					x
225	Dương Văn Bình	Khoa Khoa học và KTĐC		x			
226	Nguyễn Ngọc Dũng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
227	Vũ Văn Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
228	Phạm Như Sang	Khoa Khoa học và KTĐC					x
229	Nguyễn Duy Hưng	Khoa Khoa học và KTĐC					x
230	Nguyễn Đình Luyện	Khoa Khoa học và KTĐC					x
231	Nguyễn Xuân Phú	Khoa Khoa học và KTĐC					x
232	Bùi Thanh Tịnh	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
233	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và KTĐC			x		
234	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và KTĐC	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
235	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
236	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
237	Phí Thị Kim Thư	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
238	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
239	Phạm Minh Hải	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
240	Dương Thị Nhàn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
241	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
242	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
243	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
244	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
245	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
246	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
247	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
248	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
249	Nguyễn Thanh Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
250	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
251	Đỗ Hữu Tùng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
252	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
253	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
254	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
255	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
256	Lê Thị Thu Hường	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
257	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
258	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
259	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
260	Lê Đình Chiều	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
261	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
262	Nguyễn Văn Thưởng	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
263	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
264	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
265	Nguyễn Thị Thu Dung	Khoa Kinh tế - QTKD	x				
266	Trần Thị Khánh Vân	Khoa Kinh tế - QTKD			x		
267	Vũ Ngọc Thịnh	Khoa Kinh tế - QTKD					x
268	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
269	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD		x			
270	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận chính trị	x				
271	Đỗ Thị Vân Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
272	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận chính trị	x				
273	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				
274	Bùi Thị Thùy Dương	Khoa Lý luận chính trị		x			
275	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận chính trị	x				
276	Đào Thị Tuyết	Khoa Lý luận chính trị		x			
277	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận chính trị	x				
278	Nguyễn Thị Thúy Hà	Khoa Lý luận chính trị	x				
279	Lê Quốc Hiệp	Khoa Lý luận chính trị	x				
280	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận chính trị	x				
281	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận chính trị	x				
282	Nguyễn Thu Hương	Khoa Lý luận chính trị	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
283	Đỗ Anh Sơn	Khoa Mỏ			x		
284	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ		x			
285	Đào Văn Chi	Khoa Mỏ			x		
286	Nguyễn Phi Hùng	Khoa Mỏ			x		
287	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ	x				
288	Nguyễn Hồng Cường	Khoa Mỏ				x	
289	Nguyễn Văn Quang	Khoa Mỏ		x			
290	Đặng Phương Thảo	Khoa Mỏ				x	
291	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mỏ		x			
292	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ	x				
293	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ	x				
294	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ		x			
295	Nguyễn Đình An	Khoa Mỏ		x			
296	Phạm Văn Việt	Khoa Mỏ	x				
297	Lê Quí Thảo	Khoa Mỏ		x			
298	Trần Đình Bão	Khoa Mỏ	x				
299	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mỏ	x				
300	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ	x				
301	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ	x				
302	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ	x				
303	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ		x			
304	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ	x				
305	Trần Văn Được	Khoa Mỏ	x				
306	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ	x				
307	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ		x			
308	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ	x				
309	Lê Việt Hà	Khoa Mỏ	x				
310	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Khoa Mỏ	x				
311	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ		x			
312	Lê Thị Minh Hạnh	Khoa Mỏ					x
313	Bùi Thị Thuyết	Khoa Mỏ					x
314	Hoàng Hữu Đường	Khoa Mỏ					x
315	Nguyễn Như Hùng	Khoa Mỏ					x
316	Trần Thị Kim Hà	Khoa Môi trường			x		
317	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường			x		
318	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường	x				
319	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường			x		
320	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường			x		
321	Nguyễn Quang Minh	Khoa Môi trường			x		
322	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường			x		
323	Trần Anh Quân	Khoa Môi trường	x				
324	Đặng Thị Ngọc Thủy	Khoa Môi trường			x		
325	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường		x			
326	Nguyễn Thị Hòa	Khoa Môi trường	x				
327	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường		x			
328	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường		x			
329	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường	x				
330	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
331	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	x				
332	Hoàng Thị Chung	Khoa Môi trường				x	
333	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường		x			
334	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	x				
335	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường		x			
336	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường	x				
337	Trần Hồng Hà	Khoa Môi trường					x
338	Hạ Quang Hưng	Khoa Môi trường					x
339	Nguyễn Văn Bình	Khoa Môi trường					x
340	Phan Quang Văn	Khoa Môi trường					x
341	Dương Anh Quân	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
342	Pham Văn Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
343	Trần Thị Tuyết Vinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
344	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
345	Trần Vân Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
346	Trần Thanh Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
347	Lê Thanh Nghị	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
348	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
349	Đoàn Thị Nam Phương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
350	Dương Vân Phong	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
351	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
352	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
353	Phạm Ngọc Quang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
354	Nguyễn Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
355	Phạm Trung Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
356	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
357	Trần Thuỳ Linh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
358	Phạm Công Khải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
359	Vương Trọng Kha	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
360	Lê Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
361	Võ Ngọc Dũng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
362	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
363	Cao Xuân Cường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
364	Lê Văn Cảnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
365	Hoàng Ngọc Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
366	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
367	Lê Ngọc Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
368	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
369	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
370	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
371	Trần Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
372	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
373	Trần Đình Thành	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
374	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
375	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
376	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
377	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
378	Trần Xuân Miễn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
379	Phùng Minh Sơn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
380	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
381	Nguyễn Thị Mến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
382	Cù Thị Thu Hà	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
383	Nguyễn Quang Thắng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ		x			
384	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	x				
385	Trần Thị Hương Giang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
386	Phạm Hà Thái	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
387	Lê Thu Trang	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
388	Nguyễn Bá Duy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
389	Nguyễn Minh Hải	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
390	Bùi Khắc Luyên	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
391	Nguyễn Thái Chinh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
392	Vũ Đình Toàn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ					x
393	Kim Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
394	Nguyễn Văn Lâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ			x		
395	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	x				
396	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng	x				
397	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng	x				
398	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng	x				
399	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng	x				
400	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng			x		
401	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng	x				
402	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	x				
403	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	x				
404	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	x				
405	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	x				
406	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	x				
407	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng			x		
408	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	x				
409	Bùi Anh Thắng	Khoa Xây dựng	x				
410	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng	x				
411	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng		x			
412	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng	x				
413	Đinh Hải Nam	Khoa Xây dựng					x
414	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng		x			
415	Nguyễn Văn Trí	Khoa Xây dựng					x
416	Đỗ Mạnh Tấn	Khoa Xây dựng					x
417	Phan Tuấn Anh	Khoa Xây dựng					x
418	Trần Mạnh Hùng	Khoa Xây dựng					x
419	Phạm Ngọc Anh	Khoa Xây dựng					x
420	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
421	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất		x			
422	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất	x				
423	Lê Tiến Dũng	Phòng Cơ sở vật chất		x			
424	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
425	Nguyễn Duy Hiệp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
426	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất		x			

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
427	Trần Thiện Căn	Phòng Cơ sở vật chất			x		
428	Ninh Ngọc Cương	Phòng Cơ sở vật chất	x				
429	Nguyễn Đình Cường	Phòng Cơ sở vật chất	x				
430	Nguyễn Thế	Phòng Cơ sở vật chất		x			
431	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất	x				
432	Trần Thị Thu Huyền	Phòng Cơ sở vật chất	x				
433	Nguyễn Thị Thúy	Phòng Cơ sở vật chất		x			
434	Đoàn Thị Kim Quy	Phòng Cơ sở vật chất			x		
435	Phạm Thị Sâm	Phòng Cơ sở vật chất					x
436	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
437	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
438	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
439	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác chính trị - SV		x			
440	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
441	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
442	Chu Thị Thúy Nga	Phòng Công tác chính trị - SV	x				
443	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học	x				
444	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học	x				
445	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học		x			
446	Nguyễn Thị Thanh Loan	Phòng Đào tạo Đại học		x			
447	Bùi Thị Mai	Phòng Đào tạo Đại học		x			
448	Đào Duy Nam	Phòng Đào tạo Đại học	x				
449	Phạm Thị Nguyên	Phòng Đào tạo Đại học	x				
450	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học	x				
451	Nguyễn Thị Minh Thu	Phòng Đào tạo Đại học	x				
452	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học	x				
453	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học	x				
454	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đạo tạo sau đại học		x			
455	Hoàng Thị Phương Dung	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
456	Nguyễn Thị Vân	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
457	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đạo tạo sau đại học	x				
458	Dương Mai Yến	Phòng ĐBCLGD	x				
459	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD	x				
460	Dương Thị Hồng Đài	Phòng ĐBCLGD		x			
461	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
462	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
463	Lê Đức Minh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
464	Lý Hồng Khanh	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
465	Nguyễn Quang Hải	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
466	Trần Văn Huyên	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
467	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
468	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
469	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
470	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
471	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
472	Dương Thành Quảng	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
473	Lưu Hữu Phước	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
474	Nguyễn Đức Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
475	Nguyễn Thị Nga	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
476	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp		x			
477	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
478	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
479	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp					x
480	Chu Thế Mạnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
481	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
482	Trần Thị Lan Phương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	x				
483	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	x				
484	Nguyễn Thị Sim	Phòng Hợp tác quốc tế		x			
485	Cao Thu Hoài	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
486	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
487	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
488	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
489	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
490	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch Tài chính	x				
491	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
492	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch Tài chính		x			
493	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KHCN	x				
494	Trần Thị Hải Vân	Phòng KHCN		x			
495	Hoàng Thu Hằng	Phòng KHCN	x				
496	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN	x				
497	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
498	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
499	Quyền Minh Hoàng Phương	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
500	Nguyễn Thế Anh	Phòng Quan hệ CC và DN	x				
501	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ CC và DN		x			
502	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ		x			
503	Lê Thị Thu	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
504	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ	x				
505	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản	x				
506	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản		x			
507	Trịnh Trọng An	Phòng Xuất bản				x	
508	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm y tế	x				
509	Mai Ngọc Liên	Trạm y tế		x			
510	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm y tế	x				
511	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ			x		
512	Nguyễn Thị Hồng	Trung tâm dịch vụ		x			
513	Nguyễn Văn Hùng	Trung tâm dịch vụ		x			
514	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ	x				
515	Hà Tú Hương	Trung tâm dịch vụ		x			
516	Đinh Hữu Khánh	Trung tâm dịch vụ	x				
517	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ	x				
518	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm dịch vụ		x			
519	Nguyễn Xuân Thuận	Trung tâm dịch vụ		x			
520	Bùi Thị Kim Anh	Trung tâm dịch vụ	x				
521	Phan Thanh Chương	Trung tâm dịch vụ		x			
522	Trần Thị Dược	Trung tâm dịch vụ	x				

TT	Họ và tên	Khoa	Mức đánh giá, xếp loại				
			A+	A	B	C	KĐG
523	Phạm Thị Quy	Trung tâm dịch vụ		x			
524	Phạm Thị Thanh Tâm	Trung tâm dịch vụ		x			
525	Vũ Thị Phương Thùy	Trung tâm dịch vụ	x				
526	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ	x				
527	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm dịch vụ	x				
528	Nguyễn Thị Thu	Trung tâm dịch vụ	x				
529	Vũ Thị Hoài Thu	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
530	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	x				
531	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		x			
532	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PTTN CN cao	x				
533	Vũ Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
534	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
535	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
536	Nguyễn Thị Thu Thủy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
537	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
538	Đỗ Lệ Chi	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
539	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
540	Đỗ Thị Mường	Trung tâm Thông tin - Thư viện		x			
541	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
542	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
543	Trần văn Duy	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
544	Phan Thị Phượng	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
545	Đào Thị Hồng Diệp	Trung tâm Thông tin - Thư viện	x				
546	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
547	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến			x		
548	Đỗ Thanh Dũng	Văn phòng Chương trình tiên tiến					x
549	Trần Thị Mai Hương	Văn phòng Đại diện			x		
550	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện	x				
551	Phạm Thị Việt Nga	VP Đảng - Đoàn thể		x			
552	Phạm Tố Uyên	VP Đảng - Đoàn thể	x				
553	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể	x				
554	Nguyễn Tiến Dũng	Ban quản lý các dự án	x				
555	Lại Thiên Nguyên	Ban quản lý các dự án		x			
556	Nguyễn Ngọc Dương	Ban quản lý các dự án	x				
557	Nguyễn Thị Sơn	Ban quản lý các dự án	x				
TỔNG			**288**	**117**	**94**	**4**	**54**